

Số: 287/QĐ-VKSTC

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Bảng danh mục nhiệm vụ KPI dùng chung
trong ngành kiểm sát nhân dân**

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

*Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân ngày 24 tháng 11 năm 2014;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân ngày
24 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24 tháng 6 năm 2025; Luật Viên
chức ngày 10 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 34/2026/QH16 ngày 24 tháng 8 năm 2026 của
Quốc hội về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, công tác của
Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và công tác thi hành án;*

*Căn cứ Nghị quyết số 96-NQ/ĐU ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ban
Thường vụ Đảng ủy Viện kiểm sát nhân dân tối cao về tổ chức triển khai thực
hiện việc đánh giá định kỳ hàng quý đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp
trong ngành Kiểm sát nhân dân;*

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng danh mục nhiệm vụ KPI dùng chung trong ngành Kiểm sát nhân dân (Phiên bản 1.0).

Điều 2. Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê tội phạm và chuyển đổi số và các đơn vị liên quan hướng dẫn chi tiết việc chấm điểm KPI. Kết quả chấm điểm KPI là căn cứ để đánh giá, xếp loại chất lượng công chức và xét duyệt các danh hiệu thi đua, khen thưởng.

Điều 3. Cục Tài chính Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn chi trả tiền thưởng từ Quỹ tiền thưởng biên chế của năm công tác (theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ) gắn liền với xếp loại điểm số KPI của cá nhân và đơn vị.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Thủ trưởng các đơn vị thuộc VKSND tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và bảo đảm tính chính xác của dữ liệu KPI của cơ quan, đơn vị./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 4;
- Ban Thường vụ Đảng ủy VKSND tối cao;
- Lãnh đạo VKSND tối cao;
- Lưu: VT, V15.

VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Huy Tiến

**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢNG DANH MỤC NHIỆM VỤ KPI DÙNG CHUNG TRONG NGÀNH KIỂM SÁT NHÂN DÂN
(Phiên bản 1.0)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 287 /QĐ-VKSTC ngày 14 /9/2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

I. LĨNH VỰC HÌNH SỰ

STT	Nhiệm vụ theo giai đoạn tổ tụng	Sản phẩm đầu ra	Mức 1 (đơn giản)	Mức 2 (phức tạp)	Mức 3 (rất phức tạp)	Mức 4 (Đặc biệt phức tạp, án BCĐ, Đại án)
1	Giai đoạn giải quyết Tin báo	Giải quyết 01 tin báo	50 điểm	100 điểm	250 điểm	500 điểm
2	Giai đoạn điều tra	Giải quyết 01 vụ án tội ít nghiêm trọng	40 điểm	80 điểm	200 điểm	400 điểm
		Giải quyết 01 vụ án tội nghiêm trọng	50 điểm	100 điểm	250 điểm	500 điểm
		Giải quyết 01 vụ án tội rất nghiêm trọng	60 điểm	120 điểm	300 điểm	600 điểm
		Giải quyết 01 vụ án tội đặc biệt nghiêm trọng	70 điểm	140 điểm	350 điểm	700 điểm

STT	Nhiệm vụ theo giai đoạn tổ tụng	Sản phẩm đầu ra	Mức 1 (đơn giản)	Mức 2 (phức tạp)	Mức 3 (rất phức tạp)	Mức 4 (Đặc biệt phức tạp, án BCD, Đại án)
3	Giai đoạn truy tố	Giải quyết 01 vụ án tội ít nghiêm trọng	20 điểm	40 điểm	100 điểm	200 điểm
		Giải quyết 01 vụ án tội nghiêm trọng	30 điểm	60 điểm	150 điểm	300 điểm
		Giải quyết 01 vụ án tội rất nghiêm trọng	40 điểm	80 điểm	200 điểm	400 điểm
		Giải quyết 01 vụ án tội đặc biệt nghiêm trọng	50 điểm	100 điểm	250 điểm	500 điểm
4	Giai đoạn xét xử sơ thẩm	Giải quyết 01 vụ án tội ít nghiêm trọng	30 điểm	60 điểm	150 điểm	300 điểm
		Giải quyết 01 vụ án tội nghiêm trọng	40 điểm	80 điểm	200 điểm	400 điểm
		Giải quyết 01 vụ án tội rất nghiêm trọng	50 điểm	100 điểm	250 điểm	500 điểm

STT	Nhiệm vụ theo giai đoạn tố tụng	Sản phẩm đầu ra	Mức 1 (đơn giản)	Mức 2 (phức tạp)	Mức 3 (rất phức tạp)	Mức 4 (Đặc biệt phức tạp, án BCD, Đại án)
		Giải quyết 01 vụ án tội đặc biệt nghiêm trọng	60 điểm	120 điểm	300 điểm	600 điểm
5	Giai đoạn xét xử phúc thẩm	Giải quyết 01 vụ án tội ít nghiêm trọng	20 điểm	40 điểm	100 điểm	200 điểm
		Giải quyết 01 vụ án tội nghiêm trọng	30 điểm	60 điểm	150 điểm	300 điểm
		Giải quyết 01 vụ án tội rất nghiêm trọng	40 điểm	80 điểm	200 điểm	400 điểm
		Giải quyết 01 vụ án tội đặc biệt nghiêm trọng	50 điểm	100 điểm	250 điểm	500 điểm
6	Giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm	Kết thúc giải quyết 01 vụ không kháng nghị	50 điểm	100 điểm	250 điểm	500 điểm
		Kết thúc giải quyết 01 vụ có kháng nghị	100 điểm	200 điểm	500 điểm	1000 điểm

STT	Nhiệm vụ theo giai đoạn tổ tụng	Sản phẩm đầu ra	Mức 1 (đơn giản)	Mức 2 (phức tạp)	Mức 3 (rất phức tạp)	Mức 4 (Đặc biệt phức tạp, án BCD, Đại án)
7	Xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm	Giải quyết 01 vụ án	70 điểm	140 điểm	350 điểm	700 điểm
8	Xét lại QĐ của Hội đồng thẩm phán TANDTC	Kiến nghị xem xét lại QĐ của HĐTP TANDTC 01 vụ	200 điểm	300 điểm	500 điểm	1000 điểm

II. LĨNH VỰC DÂN SỰ, HÔN NHÂN GIA ĐÌNH, HÀNH CHÍNH, KINH DOANH THƯƠNG MẠI, LAO ĐỘNG

STT	Nhiệm vụ theo giai đoạn tổ tụng	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính (vụ / việc)	Mức 1 (Ít phức tạp)	Mức 2 (Phức tạp)	Mức 3 (Rất phức tạp)	Mức 4 (Đặc biệt phức tạp)
1	Giải quyết vụ, việc ở giai đoạn sơ thẩm	Giải quyết 01 vụ/ việc	Vụ	100 điểm	200 điểm	300 điểm	500 điểm
			Việc	50 điểm	100 điểm	150 điểm	250 điểm
2	Xét xử Phúc thẩm	XXPT 01 vụ/ việc	Vụ	150 điểm	250 điểm	350 điểm	600 điểm
			Việc	75 điểm	125 điểm	175 điểm	300 điểm

STT	Nhiệm vụ theo giai đoạn tổ tụng	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính (vụ / việc)	Mức 1 (Ít phức tạp)	Mức 2 (Phức tạp)	Mức 3 (Rất phức tạp)	Mức 4 (Đặc biệt phức tạp)
3	Giải quyết đơn GĐT/TT	Giải quyết xong 01 vụ/việc, không kháng nghị	Vụ / việc	100 điểm	200 điểm	300 điểm	500 điểm
		Giải quyết xong 01 vụ/việc, có kháng nghị	Vụ / việc	200 điểm	300 điểm	500 điểm	1000 điểm
3	Xét xử Giám đốc thẩm/ Tái thẩm	XXGĐT/TT xong 01 vụ/ việc	Vụ / việc	120 điểm	250 điểm	350 điểm	600 điểm

III. LĨNH VỰC KHỞI KIẾN VỤ ÁN DÂN SỰ BẢO VỆ QUYỀN DÂN SỰ CỦA CÁC CHỦ THỂ LÀ NHÓM DỄ BỊ TỒN THƯƠNG HOẶC BẢO VỆ LỢI ÍCH CÔNG

STT	Giai đoạn tổ tụng/Nghiệp vụ	Sản phẩm đầu ra	Mức 1 (Ít phức tạp)	Mức 2 (Phức tạp)	Mức 3 (Rất phức tạp)	Mức 4 (Đặc biệt phức tạp)
1	Giai đoạn 1: Tiếp nhận, xử lý thông tin; Thụ lý; Xác minh, thu thập chứng cứ;	Giải quyết xong 01 vụ việc	100 điểm	200 điểm	300 điểm	500 điểm

STT	Giai đoạn tố tụng/Nghiệp vụ	Sản phẩm đầu ra	Mức 1 (Ít phức tạp)	Mức 2 (Phức tạp)	Mức 3 (Rất phức tạp)	Mức 4 (Đặc biệt phức tạp)
	Yêu cầu khắc phục; Thông báo/Kiến nghị					
2	Giai đoạn Khởi kiện, Xét xử Sơ thẩm	Giải quyết xong 01 vụ án	100 điểm	150 điểm	250 điểm	300 điểm
3	Giai đoạn Xét xử Phúc thẩm / Giám đốc thẩm	Giải quyết xong 01 vụ án	100 điểm	200 điểm	300 điểm	500 điểm

IV. LĨNH VỰC KIỂM SÁT GIAM GIỮ, THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ; THẨM ĐỊNH ÁN TỬ HÌNH, BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI TRONG TTHS

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm Đầu ra	Đơn vị tính	VKSND tối cao	VKSND cấp tỉnh	VKSND Khu vực
1	Trực tiếp kiểm sát (định kỳ / đột xuất) cơ sở giam giữ, cơ quan THAHS và cơ quan liên quan	Quyết định, Kế hoạch & Kết luận trực tiếp kiểm sát chính thức	01 Cuộc kiểm sát	600 điểm	360 điểm	180 điểm
2	Trực tiếp kiểm sát hằng tuần tại cơ sở giam giữ (nhà tạm giữ, trại tạm giam)	Biên bản kiểm sát hằng tuần & Báo cáo kết quả kiểm sát	01 Lượt/Tuần	150 điểm	90 điểm	45 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm Đầu ra	Đơn vị tính	VKSND tối cao	VKSND cấp tỉnh	VKSND Khu vực
3	Phát hiện, đề xuất, ban hành Quyết định trả tự do cho người bị giam giữ không có căn cứ, trái pháp luật	Quyết định trả tự do & Biên bản kiểm sát thi hành	01 Quyết định	300 điểm	180 điểm	90 điểm
4	Giải quyết đơn thư Khiếu nại, Tố cáo & kiểm sát giải quyết KNTC giam giữ	Quyết định giải quyết / Văn bản trả lời đơn thư công dân	01 Hồ sơ đơn	100 điểm	60 điểm	30 điểm
5	Thực hiện nhiệm vụ Giúp việc Hội đồng đặc xá (thẩm định, thẩm tra hồ sơ)	Tờ trình, Báo cáo tổng hợp & Phiếu thẩm định/thẩm tra hồ sơ	01 Đợt đặc xá	200 điểm	100 điểm	50 điểm
6	Yêu cầu tự kiểm tra và thông báo kết quả kiểm sát giam giữ và thi hành án hình sự	Văn bản yêu cầu tự kiểm tra & Thông báo kết quả	01 Văn bản	100 điểm	60 điểm	30 điểm
7	Quản lý, tổng hợp số liệu chuyên đề giam giữ, thi hành án hình sự	Bảng tổng hợp theo dõi & Báo cáo số liệu chuyên đề định kỳ	01 tháng	200 điểm	100 điểm	50 điểm
8	THẨM ĐỊNH ÁN TỬ HÌNH					
8.1	Ban hành Quyết định không kháng nghị/ Công văn chuyển hình phạt	Báo cáo, Quyết định không kháng nghị/ Công văn chuyển hình phạt		200		

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm Đầu ra	Đơn vị tính	VKSND tối cao	VKSND cấp tỉnh	VKSND Khu vực
8.2	Ban hành Tờ trình trình Chủ tịch nước	Tờ trình		100		
8.3	Chủ trì/ tham gia họp liên Ngành, rà soát, xử lý các vấn đề vướng mắc về án tử hình	Tài liệu họp, biên bản, văn bản trả lời		200		
9	GIẢI QUYẾT YÊU CẦU BỒI THƯỜNG TRONG TTHS					
9.1	Thẩm định hồ sơ, đề xuất cấp kinh phí bồi thường thiệt hại	Báo cáo thẩm định, dự thảo văn bản và hồ sơ đề nghị cấp kinh phí		300	200	
9.2	Thẩm định yêu cầu bồi thường trong TTHS	Báo cáo thẩm định		300	200	
9.3	Lập dự toán kinh phí chi trả việc bồi thường	Tổng hợp dự toán kinh phí		150	100	

V. LĨNH VỰC KIỂM SÁT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ, HÀNH CHÍNH

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm Đầu ra	Đơn vị Tính	VKSND tối cao	VKSND cấp tỉnh	VKSND Khu vực
1	Trực tiếp kiểm sát (định kỳ / đột xuất) cơ quan THADS, UBND, cơ quan liên quan	Quyết định, Kế hoạch & Kết luận trực tiếp kiểm sát chính thức	01 Cuộc kiểm sát	600 điểm	360 điểm	180 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm Đầu ra	Đơn vị Tính	VKSND tối cao	VKSND cấp tỉnh	VKSND Khu vực
2	Giải quyết khiếu nại, tố cáo & kiểm sát giải quyết KNTC trong THADS, THAHC	Quyết định giải quyết / Quyết định thụ lý / Văn bản trả lời đơn thư	01 Hồ sơ đơn	100 điểm	60 điểm	30 điểm
3	Phúc tra việc thực hiện Kết luận kiểm sát / Kiến nghị về THADS, THAHC	Quyết định, Kế hoạch & Thông báo kết quả phúc tra	01 Cuộc phúc tra	200 điểm	120 điểm	60 điểm
4	Quản lý, tổng hợp số liệu chuyên đề, lĩnh vực kiểm sát THADS, THAHC	Bảng tổng hợp theo dõi & Báo cáo số liệu chuyên đề định kỳ	01 tháng	100 điểm	60 điểm	30 điểm

VI. LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO TRONG HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	VKSND tối cao	VKS cấp tỉnh	VKS khu vực
1	TIẾP CÔNG DÂN, PHÂN LOẠI VÀ XỬ LÝ ĐƠN KNTC				
1.1	Tiếp công dân thường kỳ / đột xuất	Biên bản tiếp công dân + Sổ tiếp công dân + Phiếu đề xuất xử lý	10 điểm / lượt	8 điểm / lượt	5 điểm / lượt
1.2	Phân loại, xử lý đơn không thuộc thẩm quyền / Đơn trùng	Văn bản chuyển đơn / Phiếu hướng dẫn / Thông báo xếp đơn	5 điểm / đơn	3 điểm / đơn	2 điểm / đơn
2	GIẢI QUYẾT ĐƠN KHIẾU NẠI, TỐ CÁO THUỘC THẨM QUYỀN				

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	VKSND tối cao	VKS cấp tỉnh	VKS khu vực
2.1	Giải quyết đơn KNTC thông thường	Quyết định giải quyết khiếu nại / Kết luận nội dung tố cáo	150 điểm	100 điểm	70 điểm
2.2	Giải quyết đơn KNTC phức tạp, phải thành lập Đoàn/Tổ xác minh	Quyết định thành lập Tổ xác minh + Báo cáo kết quả + Quyết định giải quyết / Kết luận tố cáo	300 điểm	200 điểm	150 điểm
2.3	Kiểm tra lại Quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật / Rút hồ sơ kiểm sát	Báo cáo kết quả kiểm tra + Quyết định giải quyết / Văn bản trả lời / Quyết định đình chỉ	200 điểm	150 điểm	100 điểm
3	KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT KNTC TRONG HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP				
3.1	Trực tiếp kiểm sát (TTKS) việc giải quyết đơn KNTC tại Cơ quan điều tra, Tòa án, THA	Quyết định, Kế hoạch TTKS + Biên bản làm việc + Kết luận trực tiếp kiểm sát	500 điểm	300 điểm	200 điểm
3.2	Phúc tra việc thực hiện Kết luận TTKS / Kiến nghị	Quyết định, Kế hoạch phúc tra + Báo cáo kết quả phúc tra	200 điểm	120 điểm	60 điểm

VII. CÔNG TÁC NGHIỆP VỤ KHÁC

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	VKSND tối cao	VKSND cấp Tỉnh	VKSND Khu vực
1	Ban hành kháng nghị phúc thẩm	01 kháng nghị phúc thẩm	250 điểm	200 điểm	150 điểm
2	Ban hành kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm	01 kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm	300 điểm	250 điểm	
3	Ban hành kiến nghị theo vụ việc, kiến nghị phòng ngừa	01 kiến nghị	100 điểm	80 điểm	60 điểm
4	Ban hành kiến nghị tổng hợp	01 kiến nghị	150 điểm	100 điểm	80 điểm
5	Ban hành thông báo rút kinh nghiệm	01 TBRKN	150 điểm	100 điểm	
6	Ban hành văn bản trả lời thỉnh thị, hướng dẫn, giải đáp nghiệp vụ đối với các đơn vị trong Ngành và VKSND cấp dưới	01 văn bản	200 điểm	150 điểm	
7	Ban hành văn bản trao đổi nghiệp vụ trong và ngoài Ngành	01 văn bản	50 điểm	50 điểm	50 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	VKSND tối cao	VKSND cấp Tỉnh	VKSND Khu vực
8	Thông báo, báo cáo đề nghị kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm	01 văn bản	150 điểm	100 điểm	80 điểm
9	Tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm	01 phiên tòa	80 điểm	80 điểm	80 điểm
10	Kiểm sát bản án, quyết định, thông báo, biên bản phiên tòa của TAND cùng cấp và cấp dưới	01 Phiếu kiểm sát đối với Quyết định/Thông báo	10 điểm	10 điểm	10 điểm
		01 Phiếu kiểm sát đối với Bản án/Biên bản phiên tòa, phiên họp	20 điểm	20 điểm	20 điểm
11	Trực tiếp kiểm sát công tác giải quyết tin báo tội phạm	01 cuộc	500 điểm	300 điểm	200 điểm
12	Nghiên cứu hồ sơ, tham gia phiên họp xét kháng cáo quá hạn	01 vụ việc	70 điểm	70 điểm	
13	Kiểm sát việc xem xét, áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân				

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	VKSND tối cao	VKSND cấp Tỉnh	VKSND Khu vực
13.1	Nghiên cứu hồ sơ, kiểm sát việc TAND thụ lý, tham gia phiên họp xem xét áp dụng BPXLHC	Phiếu kiểm sát / Báo cáo đề xuất giải quyết hồ sơ được duyệt; Biên bản phiên họp, Báo cáo kết quả tham gia phiên họp		100 điểm/1 vụ việc	80 điểm/ 1 vụ việc
13.2	Trực tiếp kiểm sát / Kiểm tra chuyên đề công tác xem xét áp dụng BPXLHC đối với TAND / VKS cấp dưới	Kế hoạch kiểm tra + Kết luận trực tiếp kiểm sát / kiểm tra	600 điểm/cuộc	300 điểm/cuộc	200 điểm/cuộc
14	Thẩm định án của VKSND cấp dưới theo quy định	01 vụ án	50 điểm	20 điểm	
15	Thụ lý, giao nhận, quản lý đơn, án, theo dõi kết quả, số liệu giải quyết đơn, án	Hoàn thành công tác thụ lý, quản lý đơn, án đúng thời hạn, đảm bảo yêu cầu	200 điểm/tuần	180 điểm/tuần	150 điểm/tuần
16	Công tác kiểm tra				
16.1	Kiểm tra thực hiện Chỉ thị công tác của Viện trưởng	Quyết định + Kế hoạch + Báo cáo Đoàn kiểm tra & Kết luận kiểm tra ban hành...	2000 điểm / cuộc	1000 điểm / cuộc	

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	VKSND tối cao	VKSND cấp Tỉnh	VKSND Khu vực
16.2	Kiểm tra công tác xây dựng Ngành; thực hiện quy chế dân chủ	Quyết định + Kế hoạch + Báo cáo Đoàn kiểm tra & Kết luận kiểm tra ban hành...	1000 điểm / cuộc	500 điểm / cuộc	
16.3	Kiểm tra theo lĩnh vực/ chuyên đề nghiệp vụ trong Ngành	Quyết định + Kế hoạch + Báo cáo Đoàn kiểm tra & Kết luận kiểm tra ban hành...	800 điểm / cuộc	500 điểm / cuộc	250 điểm / cuộc
16.4	Tham gia Đoàn kiểm tra, giám sát liên ngành với các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương	Kế hoạch phối hợp & Kết luận kiểm tra, giám sát liên ngành	300 điểm / cuộc	200 điểm / cuộc	100 điểm / cuộc

VIII. LĨNH VỰC CÔNG TÁC VĂN PHÒNG

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	VKSND tối cao	VKS cấp tỉnh	VKS khu vực
1	THAM MUÙ TỔNG HỢP, BÁO CÁO				
1.1	Xây dựng Chỉ thị công tác Ngành / Kế hoạch, Chương trình công tác trọng tâm năm	Chỉ thị / Kế hoạch / Chương trình công tác ban hành kèm Phụ lục phân công	800 điểm	500 điểm	250 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	VKSND tối cao	VKS cấp tỉnh	VKS khu vực
1.2	Báo cáo của Viện trưởng VKSND tối cao trình Quốc hội / UBTVQH	01 Báo cáo công tác chính thức trình Quốc hội kèm Báo cáo tóm tắt & Phụ lục	500 điểm	300 điểm	200 điểm
1.3	Báo cáo Sơ kết 6 tháng / Tổng kết công tác năm của Ngành / Đơn vị	01 Báo cáo Sơ kết / Tổng kết được phê duyệt	500 điểm	300 điểm	200 điểm
1.4	Báo cáo công tác định kỳ hằng Quý	01 Báo cáo	300 điểm	200 điểm	100 điểm
1.5	Báo cáo công tác định kỳ hằng Tháng	01 Báo cáo	200 điểm	150 điểm	80 điểm
1.6	Báo cáo công tác định kỳ hằng Tuần	01 Báo cáo	150 điểm	100 điểm	60 điểm
1.7	Báo cáo Nội chính, Phòng chống tội phạm, PCTN & Cải cách tư pháp, chuyên đề, đột xuất, báo cáo khác	01 Báo cáo	300 điểm	200 điểm	100 điểm
1.8	Bản tin rà soát thông tin báo chí, dư luận xã hội & Báo cáo xử lý vụ việc nổi cộm	Bản tin tổng hợp báo chí / Báo cáo kết quả xử lý vụ việc nổi cộm	150 điểm	100 điểm	60 điểm
1.9	Hồ sơ Phục vụ Kỳ họp Quốc hội, UBTVQH, Chủ tịch nước & Phiên họp Ủy ban Kiểm sát	Bộ Tài liệu, kịch bản, bộ câu hỏi - trả lời phục vụ Lãnh đạo Viện	500 điểm / kỳ	200 điểm / kỳ	100 điểm / kỳ

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	VKSND tối cao	VKS cấp tỉnh	VKS khu vực
1.10	Theo dõi, đôn đốc Thông báo kết luận, ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Viện	Báo cáo tổng hợp tiến độ & Bảng theo dõi đôn đốc nhiệm vụ	150 điểm / quý	100 điểm / quý	50 điểm / quý
1.11	Xây dựng Chương trình, Kế hoạch theo lĩnh vực công tác	Chương trình / Kế hoạch công tác ban hành	200 điểm	120 điểm	80 điểm
1.12	Xây dựng văn bản góp ý, trao đổi đối với các văn bản thông thường <i>(Không thuộc lĩnh vực xây dựng thể chế)</i>	01 Công văn góp ý, trao đổi	50 điểm	30 điểm	20 điểm
2	QUẢN TRỊ, CƠ SỞ VẬT CHẤT, DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ BẢO TRÌ TRỤ SỞ				
2.1	Hồ sơ Mua sắm tài sản tập trung, may trang phục Ngành & Cấp phát vật tư	Hồ sơ lựa chọn nhà thầu + Biên bản bàn giao, cấp phát tài sản	120 điểm / đợt	70 điểm / đợt	30 điểm / đợt
2.2	Hồ sơ Quản lý dự án đầu tư xây dựng mới trụ sở	Hồ sơ dự án + Báo cáo tiến độ & Biên bản nghiệm thu công trình	300 điểm / dự án	200 điểm / dự án	100 điểm / dự án
2.3	Hồ sơ Quản lý dự án sửa chữa, cải tạo trụ sở	Hồ sơ dự án + Báo cáo tiến độ & Biên bản nghiệm thu công trình	100 điểm / dự án	70 điểm / dự án	50 điểm / dự án
2.4	Vận hành hệ thống kỹ thuật cơ điện và Bảo trì trụ sở	Nhật ký vận hành kỹ thuật + Biên bản nghiệm thu bảo trì định kỳ	50 điểm / tháng	30 điểm / tháng	10 điểm / tháng

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	VKSND tối cao	VKS cấp tỉnh	VKS khu vực
2.5	Tổ chức Vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh, phòng chống dịch bệnh	Biên bản nghiệm thu dịch vụ vệ sinh / Hồ sơ phòng chống dịch	30 điểm / tháng	20 điểm / tháng	10 điểm / tháng
3	HỘI NGHỊ, GIAO BAN, LỄ TÂN, PHỤC VỤ ĐOÀN CÔNG TÁC VÀ BẾP ĂN TẬP THỂ				
3.1	Tổ chức Hội nghị / Hội thảo / Tập huấn	Kế hoạch tổ chức + Kịch bản điều hành + Bộ tài liệu Hội nghị...	200 điểm / sự kiện	100 điểm / sự kiện	50 điểm / sự kiện
3.2	Lễ tân, Đón tiếp, Bố trí ăn, nghỉ, đi lại cho Đoàn công tác TW / Quốc tế / Địa phương	Phương án đón tiếp + Lịch trình & Hồ sơ thanh quyết toán đoàn	60 điểm / đoàn	40 điểm / đoàn	20 điểm / đoàn
3.3	Quản lý Bếp ăn tập thể cơ quan & Kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm	Sổ kiểm thực 3 bước / Lưu mẫu thực phẩm & Suất ăn hoàn thành	50 điểm / tháng	30 điểm / tháng	20 điểm / tháng
4	CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐỘI XE VÀ VẬN TẢI CƠ QUAN				
4.1	Điều xe, cấp Lệnh điều xe & Quản lý lịch trình, nhiên liệu xe ô tô cơ quan	Lệnh điều xe ban hành + Bảng tổng hợp nhiên liệu, lịch trình xe	200 điểm / tháng	100 điểm / tháng	50 điểm / tháng
4.2	Lái xe phục vụ Lãnh đạo Viện, Lãnh đạo cơ quan, đơn vị & các Đoàn công tác	Đảm bảo an toàn, đúng giờ	100 điểm / tháng	80 điểm / tháng	50 điểm / tháng

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	VKSND tối cao	VKS cấp tỉnh	VKS khu vực
4.3	Bảo dưỡng, sửa chữa, đăng kiểm & Quản lý hồ sơ bảo hiểm xe ô tô	Hồ sơ bảo dưỡng, sửa chữa + Biên bản nghiệm thu & Sổ bảo hiểm	50 điểm / đợt	50 điểm / đợt	50 điểm / đợt
5	CÔNG TÁC TÀI VỤ, KẾ TOÁN, NGÂN SÁCH VÀ KIỂM SOÁT CHI				
5.1	Lập, bảo vệ và phân bổ Dự toán ngân sách nhà nước hàng năm / Dự toán nhiệm vụ	Bộ Hồ sơ dự toán ngân sách trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	500 điểm	250 điểm	150 điểm
5.2	Thực hiện nghiệp vụ Thu, Chi, Thanh toán qua Kho bạc / Ngân hàng & Bảng lương	Chứng từ thanh toán hoàn chỉnh + Bảng lương / Bảo hiểm được duyệt	250 điểm / tháng	200 điểm / tháng	150 điểm / tháng
5.3	Hồ sơ Quyết toán kinh phí hoạt động, Dự án đầu tư, Đề tài KH & Báo cáo tài chính	Báo cáo tài chính / Hồ sơ quyết toán được cơ quan thẩm định phê duyệt	500 điểm	250 điểm	150 điểm
5.4	Quản lý Kho, Quỹ tiền mặt, Kiểm kê tài sản & Thực hiện Công khai tài chính	Sổ quỹ / Biên bản kiểm kê quỹ, kho & Báo cáo công khai tài chính	200 điểm / quý	150 điểm / quý	100 điểm / quý
6	VĂN THƯ, LƯU TRỮ, BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC, THƯ VIỆN & PHÒNG TRUYỀN THÔNG				
6.1	Tiếp nhận, xử lý Văn bản đến; Đăng ký, phát hành Văn bản đi & Quản lý con dấu	Văn bản được cập nhật phần mềm, đóng dấu & phát hành đúng quy định	150 điểm / tháng	120 điểm / tháng	100 điểm / tháng

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	VKSND tối cao	VKS cấp tỉnh	VKS khu vực
6.2	Thu thập, Phân loại, Chính lý, Bảo quản & Cung cấp sao lục tài liệu Lưu trữ	Danh mục tài liệu chính lý + Sổ theo dõi khai thác, sao lục tài liệu	80 điểm / đợt	50 điểm / đợt	30 điểm / đợt
6.3	Triển khai Số hóa hồ sơ, tài liệu lưu trữ & Cập nhật Cơ sở dữ liệu số	Tập dữ liệu hồ sơ số hóa hoàn chỉnh + Biên bản nghiệm thu	100 điểm / đợt	60 điểm / đợt	30 điểm / đợt
6.4	Soạn thảo, sao chụp, quản lý tài liệu mật & Báo cáo Bảo vệ bí mật nhà nước	Sổ quản lý tài liệu mật + Báo cáo công tác bảo vệ BMNN định kỳ	50 điểm	30 điểm	15 điểm
6.5	Quản lý Thư viện ngành KSND & Phục vụ Phòng Truyền thống cơ quan	Sổ theo dõi sách báo / Nhật ký đón tiếp khách tham quan Phòng Truyền thống	30 điểm / tháng	20 điểm / tháng	10 điểm / tháng
7	CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG				
7.1	Xây dựng văn bản phát động, triển khai phong trào thi đua	Kế hoạch, Hướng dẫn Công văn phát động	150 điểm	90 điểm	45 điểm
7.2	Xây dựng báo cáo phong trào thi đua của Ngành	Báo cáo sơ kết, tổng kết phong trào thi đua	200 điểm	120 điểm	60 điểm
7.3	Thẩm định hồ sơ Khen thưởng cấp Nhà nước (công trạng, đợt xuất)	Báo cáo thẩm định + Tờ trình & Danh sách đề nghị khen thưởng	600 điểm / đợt	360 điểm	180 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	VKSND tối cao	VKS cấp tỉnh	VKS khu vực
7.4	Thẩm định hồ sơ Khen thưởng cấp Nhà nước (công hiến)	Báo cáo thẩm định + Tờ trình & Danh sách đề nghị khen thưởng	400 điểm / đợt	240 điểm	120 điểm
7.5	Thẩm định hồ sơ Khen thưởng thuộc thẩm quyền của Viện trưởng VKSND tối cao (tổng kết công tác hằng năm)	Báo cáo thẩm định + Tờ trình & Danh sách đề nghị khen thưởng + Quyết định khen thưởng	800 điểm / đợt	480 điểm	240 điểm
7.6	Thẩm định hồ sơ Khen thưởng thuộc thẩm quyền của Viện trưởng VKSND tối cao (chuyên đề)	Báo cáo thẩm định + Tờ trình & Danh sách đề nghị khen thưởng + Quyết định khen thưởng	600 điểm / đợt	360 điểm	180 điểm
7.7	Thẩm định hồ sơ Khen thưởng thuộc thẩm quyền của Viện trưởng VKSND tối cao (đợt xuất)	Báo cáo thẩm định + Tờ trình & Danh sách đề nghị khen thưởng + Quyết định khen thưởng	300 điểm / đợt	180 điểm / đợt	90 điểm / đợt
7.8	Thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Bộ, ngành khác	Báo cáo thẩm định + Tờ trình & Danh sách đề nghị khen thưởng + Quyết định khen thưởng	150 điểm / đợt	90 điểm / đợt	45 điểm / đợt
7.9	Thẩm định hồ sơ tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp kiểm sát”	Báo cáo thẩm định + Tờ trình & Danh sách đề nghị khen thưởng + Quyết định khen thưởng	500 điểm / đợt	300 điểm	150 điểm
7.10	Quản lý, Cấp phát hiện vật khen thưởng; Tổ chức Lễ trao tặng, vinh danh	Sổ cấp phát + Kịch bản & Hồ sơ tổ chức Lễ công bố trao tặng hoàn thành	50 điểm / đợt	30 điểm / đợt	15 điểm / đợt

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	VKSND tối cao	VKS cấp tỉnh	VKS khu vực
7.11	Quản lý hồ sơ thi đua, khen thưởng	Hồ sơ thi đua	50 điểm / đợt	30 điểm / đợt	15 điểm / đợt
7.12	Lập dự toán chi công tác thi đua, khen thưởng	Dự toán chi hằng năm	100 điểm	60 điểm	30 điểm
8	GIÁM ĐỊNH KỸ THUẬT HÌNH SỰ (DÀNH CHO VĂN PHÒNG VKSNDTC)				
8.1	Tiếp nhận quyết định trung cầu, mẫu giám định & Lập Kế hoạch giám định	Hồ sơ trung cầu được kiểm tra, vào sổ + Kế hoạch giám định	30 điểm / vụ		
8.2	Thực hiện Giám định chữ ký, chữ viết, con dấu, tài liệu in, Kỹ thuật số - Điện tử	Kết luận giám định kỹ thuật hình sự chính thức ban hành	100 điểm / vụ		
8.3	Quản lý, lưu trữ hồ sơ, mẫu giám định & Thu nộp tiền bồi dưỡng giám định	Hồ sơ giám định hoàn chỉnh lưu kho + Phiếu thu tiền bồi dưỡng	20 điểm / vụ		
9	BẢO VỆ, AN NINH TRẬT TỰ, PCCC, Y TẾ CƠ QUAN VÀ TRỰC NGHIỆP VỤ				
9.1	Thường trực bảo vệ, kiểm soát an toàn trụ sở 24/7 & Quản lý Camera an ninh	Sổ trực ca bảo vệ + Báo cáo tình hình an ninh trật tự trụ sở	40 điểm / tháng	30 điểm / tháng	15 điểm / tháng
9.2	Lập lịch và Tổ chức thực hiện quy định về Trục nghiệp vụ cơ quan VKSND	Lịch trực nghiệp vụ ban hành + Sổ trực nghiệp vụ cập nhật đầy đủ	30 điểm / tháng	20 điểm / tháng	10 điểm / tháng

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	VKSND tối cao	VKS cấp tỉnh	VKS khu vực
9.3	Xây dựng Phương án PCCC, kiểm tra thiết bị & Tổ chức huấn luyện, diễn tập PCCC	Phương án PCCC được duyệt + Biên bản kiểm tra & Hồ sơ diễn tập	60 điểm / đợt	40 điểm / đợt	20 điểm / đợt
9.4	Khám bệnh, sơ cấp cứu ban đầu, quản lý Tủ thuốc & Chăm sóc sức khỏe cán bộ	Sổ khám bệnh y tế + Dự trữ, sổ cấp phát thuốc & Báo cáo phòng dịch	30 điểm / tháng	20 điểm / tháng	10 điểm / tháng
10	QUẢN TRỊ TRANG TIN/PHẦN MỀM KẾ TOÁN				
10.1	Viết, biên tập, phê duyệt & Đăng tải Tin, Bài, Ảnh, Video trên Cổng thông tin/Trang tin điện tử	Tin / Bài / Video được duyệt đăng chính thức trên Cổng thông tin/Trang tin	20 điểm / tin bài	10 điểm / tin bài	5 điểm / tin bài
10.2	Quản trị phần mềm eTask, phần mềm Quản lý công việc / Kế toán & Tổng đài	Dữ liệu phần mềm cập nhật chính xác + Báo cáo vận hành hệ thống	40 điểm / tháng	25 điểm / tháng	15 điểm / tháng

IX. LĨNH VỰC XÂY DỰNG THỂ CHẾ

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	VKSND tối cao	VKS cấp tỉnh	VKS khu vực
1	CHỦ TRÌ XÂY DỰNG VĂN BẢN QPPL VÀ QUY CHẾ NGHIỆP VỤ				
1.1	Chủ trì dự án Luật, Pháp lệnh	Bộ Hồ sơ dự án Luật/Pháp lệnh hoàn chỉnh	1500 điểm		

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	VKSND tối cao	VKS cấp tỉnh	VKS khu vực
1.2	Chủ trì xây dựng Nghị quyết của Quốc hội / UBTVQH	<i>Bộ Hồ sơ Nghị quyết hoàn chỉnh</i>	1000 điểm		
1.3	Chủ trì xây dựng Thông tư, Thông tư liên tịch do VKSNDTC ban hành	<i>Thông tư/TTLT chính thức ban hành</i>	800 điểm		
1.4	Chủ trì xây dựng Chỉ thị, Quy chế, Quy định, Quy trình nghiệp vụ	<i>Quy chế/Quy định chính thức ban hành</i>	500 điểm	300 điểm	200 điểm
1.5	Xây dựng Hướng dẫn công tác	<i>Hướng dẫn</i>	300 điểm	150 điểm	
2	THAM GIA GÓP Ý THÊ CHẾ				
2.1	Góp ý dự thảo Luật, Bộ luật, Nghị quyết Quốc hội do cơ quan khác chủ trì				
a	<i>Góp ý chuyên sâu / Phản biện chính sách</i>	<i>Công văn góp ý phản biện chuyên sâu</i>	100 điểm	80 điểm	50 điểm
b	<i>Góp ý thông thường / Thống nhất nội dung</i>	<i>Công văn góp ý/nhất trí</i>	50 điểm	30 điểm	20 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	VKSND tối cao	VKS cấp tỉnh	VKS khu vực
2.2	Góp ý dự thảo Nghị định, Thông tư, TTLT do Bộ/Ngành khác chủ trì				
<i>a</i>	<i>Góp ý chuyên sâu / Đề xuất sửa đổi điều khoản cụ thể</i>	<i>Công văn góp ý chi tiết</i>	80 điểm	60 điểm	40 điểm
<i>b</i>	<i>Góp ý thông thường</i>	<i>Công văn góp ý</i>	30 điểm	20 điểm	10 điểm
2.3	Góp ý dự thảo Quy chế, Quy định, Hướng dẫn nội bộ do đơn vị khác chủ trì				
<i>a</i>	<i>Góp ý chuyên sâu</i>	<i>Công văn góp ý chuyên sâu</i>	40 điểm	30 điểm	20 điểm
<i>b</i>	<i>Góp ý thông thường</i>	<i>Công văn góp ý</i>	20 điểm	15 điểm	10 điểm
3	THẨM ĐỊNH, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA, GIẢI ĐÁP VƯỚNG MẮC THỂ CHẾ				
3.1	Thẩm định độc lập dự thảo VBQPPL / Quy chế nghiệp vụ	<i>Báo cáo thẩm định thể chế chính thức</i>	200 điểm		
3.2	Rà soát, Hệ thống hóa văn bản QPPL định kỳ / chuyên đề	<i>Báo cáo kết quả rà soát + Hồ sơ</i>	150 điểm	100 điểm	60 điểm
3.3	Văn bản Trả lời / Giải đáp vướng mắc thể chế, nghiệp vụ phức tạp	<i>Công văn hướng dẫn/giải đáp vướng mắc chính thức</i>	200 điểm	150 điểm	

X. LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	VKSND tối cao / Vụ 15	VKS cấp tỉnh / đơn vị cấp vụ	VKS khu vực / đơn vị cấp phòng
1	CÔNG TÁC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ				
1.1	Kiện toàn tổ chức bộ máy, thành lập/sáp nhập/giải thể đơn vị, phân bổ biên chế	Hồ sơ phê duyệt kiện toàn bộ máy & biên chế	300 điểm	150 điểm	
2	CÔNG TÁC QUY HOẠCH, BỔ NHIỆM, ĐIỀU ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ CÁN BỘ				
2.1	Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý	Hồ sơ phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ	180 điểm	110 điểm	50 điểm
2.2	Bổ nhiệm mới, Bổ nhiệm lại chức vụ lãnh đạo, quản lý	Hồ sơ bổ nhiệm / bổ nhiệm lại chức vụ chính thức	100 điểm	60 điểm	30 điểm
2.3	Bổ nhiệm Kiểm tra viên; bổ nhiệm lại chức danh tư pháp	01 Hồ sơ bổ nhiệm / bổ nhiệm lại	20 điểm	15 điểm	
2.4	Điều động, Luân chuyển, Biệt phái, tiếp nhận, chuyển đổi vị trí việc làm cán bộ	01 Hồ sơ điều động / luân chuyển / biệt phái/ tiếp nhận hoàn chỉnh	40 điểm	25 điểm	10 điểm
2.5	Cấp phát, quản lý Giấy chứng minh KSV, Giấy chứng nhận chức danh, Thẻ công chức	Thẻ công chức / Giấy chứng minh được cấp phát hoàn thành	2 điểm / 1 thẻ phát hành	1 điểm / 1 thẻ phát hành	

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	VKSND tối cao / Vụ 15	VKS cấp tỉnh / đơn vị cấp vụ	VKS khu vực / đơn vị cấp phòng
3	TUYÊN DỤNG CÔNG CHỨC VÀ THI TUYỂN CHỨC DANH TƯ PHÁP				
3.1	Tổ chức Kỳ thi tuyển dụng công chức / Kỳ thi tuyển, xét chọn Chức danh tư pháp	Hồ sơ Kỳ thi hoàn thành + Quyết định phê duyệt kết quả trúng tuyển; quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm	1500 điểm	1000 điểm	
4	CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG				
4.1	Xây dựng Kế hoạch công tác đào tạo, bồi dưỡng CCVC hàng năm / giai đoạn	Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt	100 điểm	60 điểm	30 điểm
4.2	Tổ chức/Quản lý Lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn chuyên môn nghiệp vụ / bồi dưỡng VKS Lào	Lớp bồi dưỡng hoàn thành + Báo cáo kết quả/Chứng chỉ lớp học	120 điểm / lớp	70 điểm / lớp	
4.3	Thẩm định, ban hành Quyết định cử cán bộ đi học Đào tạo Sau đại học / Cao cấp, Trung cấp LLCT / đào tạo, bồi dưỡng	Quyết định cử cán bộ đi học chính thức ban hành	50 điểm / đợt	30 điểm / đợt	10 điểm / đợt
4.4	Phê duyệt Chương trình, Tài liệu đào tạo bồi dưỡng / Kế hoạch tuyển sinh Trường ĐHKH	Văn bản phê duyệt Chương trình/Tài liệu/Tuyển sinh	60 điểm	40 điểm	20 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	VKSND tối cao / Vụ 15	VKS cấp tỉnh / đơn vị cấp vụ	VKS khu vực / đơn vị cấp phòng
5	CÔNG TÁC CHÍNH SÁCH, TIỀN LƯƠNG VÀ HƯU TRÍ				
5.1	Nâng lương thường xuyên / Nâng lương trước hạn / Phụ cấp thâm niên / Thâm niên vượt khung	Hồ sơ nâng lương / nâng phụ cấp thâm niên ban hành (theo đợt rà soát trong năm)	100 điểm/1 đợt	50 điểm/1 đợt	20 điểm/1 đợt
5.2	Nghỉ hưu / Thôi việc / Giải quyết chính sách, tính giản biên chế (NĐ 154)	Hồ sơ nghỉ hưu / thôi việc / hưởng chế độ chính thức ban hành	30 điểm	20 điểm	10 điểm
5.3	Tổ chức Gặp mặt công chức nghỉ hưu / Thăm hỏi, tặng quà cán bộ hưu trí định kỳ	Đợt gặp mặt/thăm hỏi hoàn thành + Báo cáo kết quả	30 điểm / đợt	20 điểm / đợt	10 điểm / đợt
6	CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐOÀN CÔNG TÁC / CÁ NHÂN ĐI NƯỚC NGOÀI				
6.1	Tham mưu Triển khai Chương trình Đào tạo / Đoàn công tác bồi dưỡng tại Nước ngoài	Đoàn công tác hoàn thành + Báo cáo kết quả chuyến đi	150 điểm / đoàn	90 điểm / đoàn	45 điểm / đoàn
6.2	Thẩm định, ban hành Quyết định cho phép Cán bộ, Công chức đi nước ngoài về việc riêng	Quyết định / Văn bản cho phép cá nhân đi nước ngoài	30 điểm / trường hợp	20 điểm / trường hợp	10 điểm / trường hợp
7	BẢO VỆ CHÍNH TRỊ NỘI BỘ, ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ, KỶ LUẬT VÀ KÊ KHAI TÀI SẢN				

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	VKSND tối cao / Vụ 15	VKS cấp tỉnh / đơn vị cấp vụ	VKS khu vực / đơn vị cấp phòng
7.1	Thẩm định tiêu chuẩn chính trị / Lịch sử chính trị phục vụ công tác cán bộ	Báo cáo thẩm định tiêu chuẩn chính trị cán bộ	50 điểm / trường hợp	30 điểm / trường hợp	15 điểm / trường hợp
7.2	Hồ sơ Tổng hợp đánh giá, xếp loại chất lượng công chức toàn đơn vị/Ngành hằng năm	Tờ trình + Bảng tổng hợp xếp loại chất lượng công chức được phê duyệt	300 điểm	200 điểm	100 điểm
7.3	Hồ sơ Tổng hợp đánh giá, xếp loại chất lượng công chức toàn đơn vị/Ngành hằng quý	Tờ trình + Bảng tổng hợp xếp loại chất lượng công chức được phê duyệt	150 điểm	100 điểm	50 điểm
7.4	Thẩm định Kế khai tài sản, thu nhập / Tham gia Đoàn xác minh tài sản, thu nhập cán bộ	Báo cáo thẩm định / Kết luận xác minh tài sản thu nhập	50 điểm / đợt	30 điểm / đợt	15 điểm / đợt
7.5	Hồ sơ Xử lý kỷ luật cán bộ / Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo TCCB	Quyết định xử lý kỷ luật / Quyết định giải quyết khiếu nại TCCB	120 điểm	70 điểm	40 điểm

XI. LĨNH VỰC THANH TRA

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	VKSND tối cao	VKS cấp tỉnh	VKS khu vực
1	CÔNG TÁC NGHIỆP VỤ THƯỜNG XUYÊN, THEO DÕI NỘI CỘM VÀ TIẾP CÔNG DÂN				
1.1	Theo dõi sau thanh tra, kiểm tra & Đôn đốc thực hiện Kết luận thanh tra của VKS các cấp	Báo cáo kết quả theo dõi sau thanh tra + Công văn đôn đốc & TB rút kinh nghiệm	60 điểm	40 điểm	
1.2	Theo dõi địa bàn, nắm tình hình vi phạm & Trả lời thỉnh thị nghiệp vụ thanh tra	Bảng theo dõi địa bàn + Báo cáo nắm tình hình & Công văn hướng dẫn	60 điểm	40 điểm	
1.3	Tham mưu việc thực hiện dân chủ ở cơ sở trong ngành KSND	Chương trình / Kế hoạch kiểm tra dân chủ + Báo cáo kết quả thực hiện	80 điểm	50 điểm	
1.4	Kiểm tra kỷ luật nội vụ, Chấp hành kỷ luật lao động & Văn hóa công vụ	Biên bản kiểm tra kỷ luật nội vụ + Thông báo rút kinh nghiệm ban hành	40 điểm	25 điểm	15 điểm
1.5	Tiếp nhận, Phân loại, Xử lý đơn khiếu nại, tố cáo ngoài hoạt động tư pháp	Sổ theo dõi đơn + Báo cáo đề xuất xử lý đơn & Công văn chuyển đơn	5 điểm / đơn	3 điểm / đơn	2 điểm / đơn
1.6	Công tác Tiếp công dân & Xử lý phản ánh, kiến nghị trực tiếp tại Trụ sở tiếp công dân	Biên bản tiếp công dân + Báo cáo đề xuất xử lý & Công văn thông báo	30 điểm / đợt	20 điểm / đợt	10 điểm / đợt

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	VKSND tối cao	VKS cấp tỉnh	VKS khu vực
2	CÔNG TÁC NGHIỆP VỤ CHUYÊN SÂU: THANH TRA, KIỂM TRA, GIẢI QUYẾT KNTC & PCTN				
2.1	Tiến hành Cuộc Thanh tra hành chính / Thanh tra nghiệp vụ	Quyết định + Kế hoạch + Nhật ký + Báo cáo Đoàn thanh tra & Kết luận thanh tra...	600 điểm / cuộc	300 điểm / cuộc	
2.2	Xác minh điều kiện thụ lý đơn khiếu nại, tố cáo	Báo cáo đề xuất xác minh + Báo cáo kết quả & Thông báo/Quyết định xử lý	100 điểm / vụ	50 điểm / vụ	
2.3	Giải quyết đơn Khiếu nại, Tố cáo thuộc thẩm quyền Thanh tra	Quyết định thụ lý + Kế hoạch + Báo cáo giải quyết & Kết luận/Quyết định GQ KNTC	150 điểm / vụ	100 điểm / vụ	
2.4	Công tác Phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	Kế hoạch PCTNLPTC	50 điểm	30 điểm	15 điểm
2.5	Xác minh tài sản, thu nhập	Biên bản bóc thăm TSTN, Báo cáo kết quả, Kết luận xác minh TSTN	150 điểm / đợt	100 điểm / đợt	

XII. LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

STT	Khâu công tác / Nhiệm vụ Nghiên cứu Khoa học	Sản phẩm Đầu ra	Mức 1: Viện KHKS / VKSNDTC (100%)	Mức 2: VKS cấp tỉnh / Vụ (60%)	Mức 3: VKS khu vực / Phòng (30%)
1	QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, ĐỀ TÀI, ĐỀ ÁN				
1.1	Xây dựng Định hướng nghiên cứu KH&CN, Báo cáo KH&CN & Dự toán kinh phí hàng năm	Quyết định ban hành Định hướng + Báo cáo KH&CN & Dự toán kinh phí	120 điểm	70 điểm	40 điểm
1.2	Tham mưu thành lập, kiện toàn và các hoạt động phục vụ Hội đồng khoa học VKSND tối cao	QĐ thành lập HĐ, Các tài liệu, biên bản cuộc họp	120 điểm		
1.3	Quản lý, tiếp nhận, tuyển chọn, giao nhiệm vụ, kiểm tra tiến độ & Nghiệm thu nhiệm vụ KH	Hồ sơ tuyển chọn / Quyết định giao nhiệm vụ / Hồ sơ nghiệm thu nhiệm vụ KH	120 điểm	70 điểm	40 điểm
1.4	Chủ nhiệm / Phó Chủ nhiệm / Thư ký khoa học nhiệm vụ nghiên cứu khoa học	Các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được nghiệm thu chính thức	120 điểm / nhiệm vụ	70 điểm / nhiệm vụ	40 điểm / nhiệm vụ

STT	Khâu công tác / Nhiệm vụ Nghiên cứu Khoa học	Sản phẩm Đầu ra	Mức 1: Viện KHKS / VKSNDTC (100%)	Mức 2: VKS cấp tỉnh / Vụ (60%)	Mức 3: VKS khu vực / Phòng (30%)
1.5	Trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học	Xây dựng thuyết minh, đề cương thuyết minh chi tiết, các chuyên đề nghiên cứu và tổng thuật nhiệm vụ nghiên cứu; xây dựng và triển khai các sản phẩm ứng dụng kết quả nghiên cứu...	120 điểm / sau khi được nghiệm thu	80 điểm / nhiệm vụ	30 điểm / nhiệm vụ
1.6	Công bố Bài báo khoa học quốc tế / Bài báo Tạp chí trong nước / Tham luận hội thảo khoa học	Bài báo khoa học công bố / Tham luận khoa học đăng tải chính thức	120 điểm / bài	70 điểm / bài	40 điểm / bài
1.7	Chủ biên / Biên soạn Sách chuyên khảo, tham khảo, chương sách nghiệp vụ kiểm sát	Cuốn sách / Chương sách chuyên khảo được nghiệm thu và xuất bản	120 điểm / cuốn	70 điểm / cuốn	40 điểm / cuốn
1.8	Dịch tài liệu, hiệu đính tài liệu khoa học tiếng nước ngoài phục vụ nghiên cứu	Bộ Tài liệu dịch / Hiệu đính hoàn chỉnh được phê duyệt	120 điểm / bộ	70 điểm / bộ	40 điểm / bộ
2	NGHIÊN CỨU TỘI PHẠM HỌC VÀ TỔ CHỨC HỘI THẢO, TỌA ĐÀM KHOA HỌC				

STT	Khâu công tác / Nhiệm vụ Nghiên cứu Khoa học	Sản phẩm Đầu ra	Mức 1: Viện KHKS / VKSNDTC (100%)	Mức 2: VKS cấp tỉnh / Vụ (60%)	Mức 3: VKS khu vực / Phòng (30%)
2.1	Xây dựng Chương trình, Kế hoạch & Báo cáo nghiên cứu tình hình tội phạm, nguyên nhân, dự báo TPH	Báo cáo nghiên cứu Tội phạm học & Dự báo tình hình tội phạm	50 điểm	30 điểm	15 điểm
2.2	Khảo sát, điều tra xã hội học, xây dựng CSDL Tội phạm học & Đề xuất kiến nghị phòng ngừa	Bộ dữ liệu khảo sát CSDL Tội phạm học & Báo cáo kiến nghị phòng ngừa	25 điểm / đợt	15 điểm / đợt	10 điểm / đợt
2.3	Tổ chức Hội thảo, Tọa đàm khoa học cấp Quốc gia / cấp Ngành / cấp Cơ sở	Kế hoạch + Đề dẫn + Chương trình & Biên bản / Kỹ yếu Hội thảo	80 điểm / hội thảo	50 điểm / hội thảo	25 điểm / hội thảo
2.4	Chủ trì / Thư ký / Mời, điều phối chuyên gia tham gia Hội thảo, Tọa đàm khoa học	Báo cáo kết quả Hội thảo + Biên bản & Danh sách chuyên gia	80 điểm / hội thảo	50 điểm / hội thảo	25 điểm / hội thảo
3	XÉT SÁNG KIẾN NGÀNH VÀ XUẤT BẢN TẠP CHÍ, ẢN PHẨM KHOA HỌC, CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN				
3.1	Rà soát tính mới & Tổng hợp công bố kết quả Xét Sáng kiến Ngành	Báo cáo rà soát sơ bộ + Danh sách trùng lặp & Thông báo kết quả sáng kiến / 01 đợt	120 điểm / đợt		

STT	Khâu công tác / Nhiệm vụ Nghiên cứu Khoa học	Sản phẩm Đầu ra	Mức 1: Viện KHKS / VKSNDTC (100%)	Mức 2: VKS cấp tỉnh / Vụ (60%)	Mức 3: VKS khu vực / Phòng (30%)
3.2	Tham mưu thành lập Hội đồng và tham mưu, đề xuất nội dung, tổ chức họp xét công nhận sáng kiến	01 QĐ công nhận kết quả sáng kiến ngành	120 điểm		
3.3	Xuất bản Tạp chí in Kiểm sát thường kỳ: Xây dựng định hướng, Biên tập, Phản biện, Dàn trang, Đọc soát maket	Bản bông / Maket Tạp chí hoàn chỉnh chuyển in / 01 Số Tạp chí	150 điểm / số		
3.4	Xuất bản Tạp chí in Kiểm sát chuyên đề: Xây dựng định hướng, Biên tập, Phản biện, Dàn trang, Đọc soát maket	Bản bông / Maket Tạp chí hoàn chỉnh chuyển in 01 số tạp chí	200 điểm / số		
3.5	Biên tập, thẩm định pháp lý, sửa mo-rát tin bài	01 Tác phẩm đã được biên tập hoàn chỉnh đạt chuẩn xuất bản	20 điểm / 01 bài		
3.6	Xuất bản Tạp chí điện tử Kiểm sát & Sản xuất Video clip / Tuyến bài tuyên truyền pháp luật	Nội dung xuất bản trên Tạp chí điện tử / Video clip ấn phẩm số	40 điểm / ấn phẩm		

STT	Khâu công tác / Nhiệm vụ Nghiên cứu Khoa học	Sản phẩm Đầu ra	Mức 1: Viện KHKS / VKSNDTC (100%)	Mức 2: VKS cấp tỉnh / Vụ (60%)	Mức 3: VKS khu vực / Phòng (30%)
3.7	Biên tập, kiểm duyệt & quản trị xuất bản Tạp chí điện tử (CMS)	Hệ thống Tạp chí điện tử vận hành an toàn, bài đăng đúng quy trình / 01 tháng	80 điểm / tháng		
3.8	Thiết kế, dàn trang ấn phẩm báo chí; dựng video clip/infographic động	Bản dàn trang / Video clip / Infographic hoàn chỉnh / 01 Sản phẩm	30 điểm / sản phẩm		
3.9	Biên soạn Biên niên sự kiện Ngành KSND & Lưu trữ tư pháp, bài viết khoa học	Cuốn Biên niên sự kiện + Hồ sơ lưu trữ bài viết khoa học / 01 ấn phẩm	100 điểm/ sản phẩm		
3.10	Biên soạn cuốn Thông tin Khoa học kiểm sát	Cuốn thông tin Khoa học / 01 ấn phẩm	100 điểm/ sản phẩm		
3.11	Vận hành kỹ thuật, thiết bị chuyên dùng & Lưu trữ tư liệu	Hệ thống thiết bị vận hành an toàn + Kho tư liệu được số hóa / 01 tháng	50 điểm / tháng		

XIII. LĨNH VỰC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị Tính	Trường / Phân hiệu ĐHKS	VKS cấp Tỉnh / đơn vị cấp Vụ	Mức 3: VKS Khu vực / đơn vị cấp Phòng
1	QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ CƯƠNG, GIÁO ÁN & THẨM ĐỊNH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN					
1.1	Xây dựng đề cương học phần, giáo án, bài giảng, học liệu cho học phần/chuyên đề đào tạo, bồi dưỡng	Đề cương chi tiết / Giáo án / Bài giảng / Học liệu hoàn chỉnh được duyệt	01 Sản phẩm	400 điểm		
1.2	Rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện đề cương học phần, giáo án, bài giảng, học liệu cho học phần/chuyên đề đào tạo, bồi dưỡng	Đề cương chi tiết / Giáo án / Bài giảng / Học liệu hoàn chỉnh được duyệt	01 Sản phẩm	200 điểm		
1.3	Thẩm định giờ giảng (Tiếp nhận hồ sơ, thành lập Hội đồng, tổ chức/tham gia thẩm định giờ giảng và trình ban hành Quyết định giao nhiệm vụ giảng dạy)	Hồ sơ / Biên bản thẩm định / Quyết định giao nhiệm vụ giảng dạy	01 Đợt / Hồ sơ	100 điểm		
1.4	Rà soát tiêu chuẩn, điều kiện và mức độ đáp ứng chuẩn nghề nghiệp của giảng viên (ngạch giảng viên, chứng chỉ, trình độ)	Bảng rà soát / Báo cáo đánh giá / Đề xuất phương án phát triển đội ngũ	01 Báo cáo	100 điểm		

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị Tính	Trường / Phân hiệu ĐHKS	VKS cấp Tỉnh / đơn vị cấp Vụ	Mức 3: VKS Khu vực / đơn vị cấp Phòng
1.45	Quản lý, theo dõi giảng viên đi giảng ngoài đơn vị, giảng viên thỉnh giảng và các thủ tục nhân sự giảng dạy liên quan	Bảng theo dõi / Hồ sơ giảng viên thỉnh giảng / Quyết định cử giảng	01 Bảng theo dõi	50 điểm		
1.6	Thực hiện quy trình thủ tục xét và bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư; bổ nhiệm/chuyển ngạch chức danh nghề nghiệp giảng viên	Thông báo / Hồ sơ / Biên bản Hội đồng xét / Quyết định bổ nhiệm	01 Bộ hồ sơ	200 điểm		
2	TỔ CHỨC GIẢNG DẠY, DỰ GIỜ, THAO GIẢNG & BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ					
2.1	Thực hiện giảng dạy, song giảng hoặc báo cáo chuyên đề theo phân công (Hệ Đại học, Sau đại học và các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ/ngạch/chức danh)	Sổ ghi tiến độ giảng dạy / Hoàn thành khối lượng giờ giảng	01 Tiết giảng	10 điểm		
2.2	Tham gia dự giờ, thao giảng, đánh giá và thẩm định tiết giảng/bài giảng theo phân công	Biên bản dự giờ / Phiếu đánh giá tiết giảng / Kết quả thao giảng	01 Buổi dự giờ	40 điểm		
3	QUẢN LÝ LỚP HỌC, SINH VIÊN/HỌC VIÊN, KHẢO THÍ, THANH TRA THI & PHỤC VỤ ĐÀO TẠO					

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị Tính	Trường / Phân hiệu ĐHKS	VKS cấp Tỉnh / đơn vị cấp Vụ	Mức 3: VKS Khu vực / đơn vị cấp Phòng
3.1	Phối hợp tiếp nhận sinh viên/học viên mới, Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên/học viên và Lễ khai giảng, bế giảng, trao bằng tốt nghiệp	Kế hoạch / Báo cáo tiếp nhận / Sự kiện khai giảng, bế giảng hoàn thành	01 Sự kiện	200 điểm		
3.2	Phối hợp phục vụ Hội đồng thi, các Ban giúp việc kỳ thi và hoạt động khảo thí (ra đề, coi thi, chấm thi, rọc phách, phúc khảo)	Phản việc / Hồ sơ hành chính - khảo thí phục vụ kỳ thi hoàn thành	01 Đợt thi	200 điểm		
3.3	Thực hiện công tác Thanh tra thi, kiểm tra trật tự kỳ thi và thanh tra nội bộ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng	Quyết định / Kế hoạch thanh tra / Biên bản / Thông báo kết luận thanh tra thi	01 Cuộc thanh tra	70 điểm	40 điểm	20 điểm
3.4	Phối hợp phục vụ các lớp đào tạo - bồi dưỡng, hội nghị, hội thảo, tọa đàm chuyên môn và hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo	Phản việc hành chính, văn thư, lễ tân, khánh tiết phục vụ lớp học hoàn thành	01 Lớp học / Sự kiện	40 điểm	25 điểm	15 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị Tính	Trường / Phân hiệu ĐHKS	VKS cấp Tỉnh / đơn vị cấp Vụ	Mức 3: VKS Khu vực / đơn vị cấp Phòng
3.5	Theo dõi, nắm bắt, tổng hợp và phân tích tình hình chính trị tư tưởng, kỷ luật của cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên	Báo cáo nắm bắt tình hình tư tưởng / Biên bản xử lý / Hồ sơ theo dõi	01 Báo cáo	20 điểm		
4	ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CỬ ĐI HỌC, BỒI DƯỠNG QP-AN & CDS					
4.1	Tham mưu, tiếp nhận đề xuất và hoàn thiện thủ tục cử công chức, viên chức, giảng viên đi học, bồi dưỡng, công tác, nghiên cứu thực tế hoặc đi nước ngoài	Tờ trình / Báo cáo đề xuất / Quyết định cử đi học, công tác, thực tế	01 Hồ sơ trình	20 điểm	10 điểm	5 điểm
4.2	Lập dự trù, quản lý kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hằng năm; thành lập Hội đồng xét và thực hiện thu hồi/đền bù chi phí đào tạo đối với trường hợp vi phạm	Bảng dự trù kinh phí / Quyết định Hội đồng / Quyết định thu hồi/trợ cấp chi phí đào tạo	01 Dự toán / Hồ sơ	80 điểm	50 điểm	25 điểm
4.3	Tham gia tổ chức các bước phát triển lực lượng dân quân tự vệ, cử CCVCNLD đi tập huấn, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh	Bảng danh sách / Tờ trình / Quyết định cử đi tập huấn QP-AN	01 Quyết định / Đợt	30 điểm	20 điểm	10 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị Tính	Trường / Phân hiệu ĐHKS	VKS cấp Tỉnh / đơn vị cấp Vụ	Mức 3: VKS Khu vực / đơn vị cấp Phòng
4.4	Tham mưu cử quần chúng ưu tú, đảng viên tham gia bồi dưỡng lý luận chính trị, học cảm tình Đảng và bồi dưỡng nghiệp vụ Đảng	Thông báo / Danh sách đề nghị / Công văn cử đi học / Báo cáo Đảng ủy	01 Đợt cử học	50 điểm	20 điểm	10 điểm
4.5	Hoàn thành chương trình và theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc triển khai Chiến dịch “Bình dân học vụ số” tại đơn vị	Chứng nhận hoàn thành chuyên đề sát hạch / Báo cáo tiến độ, tỷ lệ hoàn thành	01 Chứng nhận / Báo cáo	40 điểm	25 điểm	10 điểm
4.6	Thực hiện hướng dẫn, kèm cặp chuyên môn nội bộ, tự đào tạo, bồi dưỡng và tổ chức theo dõi, tổng hợp báo cáo kết quả tự đào tạo năm	Biên bản/Báo cáo kết quả kèm cặp / Báo cáo tổng hợp tự đào tạo hằng năm	01 Báo cáo	60 điểm	40 điểm	20 điểm
5	CẢI TIẾN & HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ					
5.1	Xây dựng bài báo khoa học công bố trên các tạp chí, tham luận hội thảo khoa học, chuyên đề học thuật phục vụ giảng dạy và bồi dưỡng	Bài báo / Tham luận / Chuyên đề được duyệt đăng, chấp nhận công bố	01 Bài viết	200 điểm	200 điểm	200 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị Tính	Trường / Phân hiệu ĐHKH	VKS cấp Tỉnh / đơn vị cấp Vụ	Mức 3: VKS Khu vực / đơn vị cấp Phòng
5.2	Hoàn thành mốc học tập, nghiên cứu trong chương trình Tiến sĩ	Báo cáo mốc tiến độ luận án được phê duyệt	01 Mốc tiến độ	500 điểm	500 điểm	500 điểm
5.3	Hoàn thành chương trình Thạc sĩ	Xác nhận kết quả học tập / Chứng chỉ	01 Khóa	500 điểm	500 điểm	500 điểm
5.4	Hoàn thành chương trình khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn	Xác nhận kết quả học tập / Chứng chỉ	01 Khóa	200 điểm	200 điểm	200 điểm
5.5	Thực hiện các đợt nghiên cứu thực tế tại cơ quan VKSND các cấp hoặc cơ quan tư pháp theo kế hoạch	Quyết định cử đi thực tế / Báo cáo kết quả nghiên cứu thực tế được phê duyệt	01 Đợt thực tế	200 điểm	200 điểm	200 điểm

XIV. LĨNH VỰC TUYÊN TRUYỀN

1. Xuất bản Báo in, Báo điện tử & Nội dung số

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Điểm KPI
1.1	Viết tin, bài, ảnh, infographic báo chí	01 Tin/Bài/Bộ ảnh được đăng tải chính thức	01 Tác phẩm	50 điểm / bài

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Điểm KPI
1.2	Viết bài nghiên cứu chuyên sâu, bài phóng sự điều tra, bình luận pháp luật	01 Bài nghiên cứu/Phóng sự được xuất bản	01 Tác phẩm	100 điểm / bài
1.3	Biên tập, thẩm định pháp lý, sửa mo-rát tin	Tác phẩm đã được biên tập hoàn chỉnh đạt chuẩn xuất bản	10 Tác phẩm biên tập	30 điểm / 10 tin
1.4	Biên tập, thẩm định pháp lý, sửa mo-rát bài thường	Tác phẩm đã được biên tập hoàn chỉnh đạt chuẩn xuất bản	10 Tác phẩm biên tập	60 điểm / 10 bài
1.5	Biên tập, thẩm định pháp lý, sửa mo-rát bài điều tra, chuyên sâu	Tác phẩm đã được biên tập hoàn chỉnh đạt chuẩn xuất bản	1 Tác phẩm biên tập	50 điểm / 1 bài
1.6	Tổ chức biên tập & xuất bản 01 số báo in đặc biệt	01 Số báo chuyên đề / Số báo đặc biệt phát hành	01 Số báo	350 điểm / số
1.7	Tổ chức biên tập & xuất bản 01 số báo in thường kỳ	01 Số báo in thường kỳ phát hành hoàn chỉnh	01 Số báo	150 điểm / số
1.8	Tổ chức biên tập & xuất bản 01 số báo in chuyên đề	01 Số báo chuyên đề / Số báo đặc biệt phát hành	01 Số báo	200 điểm / số
1.9	Thiết kế, dàn trang ấn phẩm báo chí số thường kỳ; dựng video clip/infographic động - bình thường	Bản dàn trang / Video clip / Infographic hoàn chỉnh	01 Sản phẩm	90 điểm / sản phẩm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Điểm KPI
1.10	Thiết kế, dàn trang ấn phẩm báo chí số chuyên đề; dựng video clip/infographic động - phức tạp	Bản dàn trang / Video clip / Infographic hoàn chỉnh	01 Sản phẩm	120 điểm / sản phẩm
1.11	Thiết kế, dàn trang ấn phẩm báo chí số đặc biệt	Bản dàn trang / Video clip / Infographic hoàn chỉnh	01 Sản phẩm	180 điểm / sản phẩm
1.12	Biên tập, kiểm duyệt & quản trị xuất bản Báo điện tử (CMS)	Hệ thống Báo điện tử vận hành an toàn, bài đăng đúng quy trình	Trọn gói 01 tháng	150 điểm / tháng
1.13	Sản xuất Video tin tức ngắn (Shorts/Reels/TikTok/YouTube)	Video ngắn xuất bản trên hệ sinh thái số	01 Video	60 điểm / video
1.14	Sản xuất Video chuyên sâu / Podcast / Phóng sự truyền hình số	Video chuyên sâu / Tập Podcast hoàn chỉnh phát sóng	01 Chương trình	100 điểm / chương trình
1.15	Tổ chức Chương trình Livestream truyền thông chính sách & tương tác độc giả	Buổi Livestream phát sóng thành công	01 Buổi Livestream	100 điểm / buổi

2. Sản xuất Truyền hình Kiểm sát & Phim Tư liệu

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm Đầu ra	Đơn vị Tính	Điểm KPI
2.1	Sản xuất & phát sóng Chương trình Truyền hình Kiểm sát định kỳ	01 Chương trình truyền hình hoàn chỉnh được phát sóng	01 Chương trình	150 điểm / chương trình

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm Đầu ra	Đơn vị Tính	Điểm KPI
2.2	Sản xuất Phim tư liệu / Video báo cáo phục vụ Hội nghị, sự kiện của Ngành	01 Phim tư liệu / Video báo cáo hoàn chỉnh được phê duyệt	01 Phim	100 điểm / phim
2.3	Phối hợp sản xuất Phim tài liệu / Phim truyền hình dài tập về Ngành KSND	Bộ phim tài liệu / Phim truyền hình hoàn thành phát sóng toàn quốc	01 Dự án Phim	300 điểm / dự án
2.4	Vận hành kỹ thuật, thiết bị chuyên dùng & Lưu trữ tư liệu truyền hình	Hệ thống thiết bị vận hành an toàn + Kho tư liệu được số hóa	Trọn gói 01 tháng	80 điểm / tháng

3. Chỉ đạo Tuyên truyền, Sự kiện & Giải Báo chí

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Điểm KPI
3.1	Thực hiện nhiệm vụ Thường trực Ban Chỉ đạo Công tác tuyên truyền Ngành KSND	Báo cáo tổng kết, Chương trình phối hợp & Kết luận phiên họp Ban Chỉ đạo	Trọn gói 01 năm	500 điểm / năm
3.2	Chủ trì tổ chức Hội thảo, Tọa đàm truyền thông chính sách & PBGDPL	Hội thảo / Tọa đàm tổ chức thành công + Báo cáo kết quả	01 Hội thảo	100 điểm / hội thảo
3.3	Tổ chức Hội thao Ngành Kiểm sát nhân dân (Giải "Cúp Báo Bảo vệ pháp luật")	Hội thao tổ chức thành công + Báo cáo tổng kết & Lễ trao giải	01 Kỳ Hội thao	1000 điểm / kỳ
3.4	Chỉ đạo triển khai tác phẩm tham gia các Giải báo chí Toàn quốc (Búa Liềm Vàng, Diên Hồng...)	Bộ Tác phẩm dự thi hoàn chỉnh được thẩm định và gửi dự thi	01 Đợt Giải báo chí	100 điểm / đợt

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Điểm KPI
3.5	Tổ chức Lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí & tuyên truyền Ngành	01 Lớp tập huấn hoàn thành + Báo cáo kết quả	01 Lớp tập huấn	100 điểm / lớp
3.6	Tham mưu, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị báo chí khác tuyên truyền về Ngành	Chuyên trang, chuyên mục hợp tác	1 Chương trình hợp tác	200 điểm/ chương trình/đơn vị
3.7	Chủ trì, phối hợp tổ chức hoạt động xã hội, sự kiện tuyên truyền về Ngành	Chương trình/kế hoạch/ hoạt động	1 Hoạt động	50 điểm/hoạt động

4. Kinh tế Báo chí, Phát hành, Văn phòng Đại diện & Quản trị Tòa soạn

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Điểm KPI
4.1	Tổ chức triển khai Kế hoạch Phát hành, Quảng cáo & Thu hồi công nợ	Báo cáo doanh thu, thu hồi công nợ đạt chỉ tiêu	Trọn gói 01 tháng	120 điểm / tháng
4.2	Tổ chức tuyên truyền & hoạt động phối hợp của Văn phòng Đại diện khu vực	Báo cáo hoàn thành chỉ tiêu tuyên truyền, địa bàn an toàn	Trọn gói 01 tháng	100 điểm / tháng

XV. LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Quản trị Hạ tầng Kỹ thuật, Mạng, Trung tâm dữ liệu & Điện toán Đám mây (Cloud)

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	VKSND tối cao / Cục 2	VKSND cấp tỉnh	VKSND khu vực
1.1	Hỗ trợ kỹ thuật CNTT, tài khoản người dùng, sao lưu và xử lý yêu cầu/sự cố thường xuyên	Yêu cầu hỗ trợ được xử lý đúng thời hạn; tài khoản được cấp/reset đúng quy định; sao lưu, nhật ký hỗ trợ đầy đủ	01 tháng (M3 chuẩn)	50 điểm	40 điểm	30 điểm
1.2	Chuẩn bị kỹ thuật, đường truyền và bảo đảm kết nối truyền hình trực tuyến phục vụ hội nghị, sự kiện	Hệ thống trực tuyến kết nối thông suốt; cấu hình, kiểm tra kỹ thuật hoàn tất; sự cố được xử lý kịp thời	01 Hội nghị / Sự kiện	100 điểm	70 điểm	50 điểm
1.3	Vận hành, quản trị hạ tầng mạng LAN/WAN, hệ thống máy chủ, lưu trữ và môi trường ảo hóa	Hạ tầng mạng, máy chủ và lưu trữ vận hành ổn định, an toàn; sự cố xử lý đúng SLA; nhật ký vận hành đầy đủ	01 tháng (M3 chuẩn)	150 điểm	100 điểm	70 điểm
1.4	Thiết kế, xây dựng hoặc nâng cấp tổng thể hạ tầng CNTT, Trung tâm dữ liệu (Data Center) và hệ thống lưu trữ	Hạ tầng mới/nâng cấp vận hành ổn định; hồ sơ thiết kế, cấu hình, hoàn công và nghiệm thu kỹ thuật đầy đủ	01 Dự án / Đợt nâng cấp	300 điểm	200 điểm	100 điểm
1.5	Chủ trì thiết kế kiến trúc và triển khai hạ tầng điện toán	Nền tảng Cloud ngành KSND vận hành ổn định;	01 Dự án	370 điểm	250 điểm	150 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	VKSND tối cao / Cục 2	VKSND cấp tỉnh	VKSND khu vực
	đám mây (Cloud) dùng chung ngành Kiểm sát	ứng dụng/dịch vụ được tích hợp hoặc di chuyển thành công; hồ sơ kỹ thuật đầy đủ				

2. Phát triển Phần mềm, Nền tảng số, Tích hợp dữ liệu & Ứng dụng Trí tuệ Nhân tạo (AI)

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	VKSND tối cao / Cục 2	VKSND cấp tỉnh	VKSND khu vực
2.1	Chuẩn bị hạ tầng, triển khai (deploy) phần mềm và kiểm tra vận hành ban đầu	Hạ tầng sẵn sàng; phần mềm được triển khai thành công; môi trường vận hành ổn định; biên bản kiểm tra đầy đủ	01 Hệ thống / Đợt triển khai	160 điểm	110 điểm	70 điểm
2.2	Phân tích yêu cầu nghiệp vụ (BA), xây dựng đặc tả kỹ thuật và prototype phần mềm/nền tảng số	Tài liệu đặc tả yêu cầu được nghiệm thu; prototype được đơn vị nghiệp vụ xác nhận	01 Phần mềm / Nền tảng	180 điểm	120 điểm	80 điểm
2.3	Kiểm thử chức năng, tích hợp, hiệu năng và an toàn bảo mật phần mềm; theo dõi khắc phục lỗi	Báo cáo kiểm thử đầy đủ; danh sách lỗi được xử lý, xác nhận; sản phẩm đạt điều kiện đưa vào vận hành	01 Module / Hệ thống	160 điểm	110 điểm	70 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	VKSND tối cao / Cục 2	VKSND cấp tỉnh	VKSND khu vực
2.4	Phát triển, lập trình module/tính năng và tích hợp API phần mềm	Module/tính năng vượt qua kiểm thử; API tích hợp thành công; mã nguồn và tài liệu kỹ thuật được bàn giao	01 Module / Tích hợp	180 điểm	120 điểm	80 điểm
2.5	Thẩm định hồ sơ kỹ thuật, kiểm thử kỹ thuật và nghiệm thu bàn giao sản phẩm CNTT	Ý kiến/Báo cáo thẩm định kỹ thuật chính xác; biên bản nghiệm thu, bàn giao được ký duyệt đúng quy định	01 Bộ hồ sơ / Sản phẩm	180 điểm	120 điểm	80 điểm
2.6	Tham mưu, nghiên cứu thử nghiệm và triển khai ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI/ML), trợ lý ảo phục vụ nghiệp vụ	Phương án, mô hình thử nghiệm hoặc công cụ/trợ lý AI được nghiệm thu, phê duyệt hoặc đưa vào áp dụng; có quy trình/hướng dẫn sử dụng	01 Ứng dụng / Mô hình AI	240 điểm	160 điểm	100 điểm
2.7	Thiết kế kiến trúc tổng thể và triển khai nền tảng số dùng chung trong Ngành	Tài liệu thiết kế được duyệt; nền tảng triển khai liên đơn vị/toàn Ngành vận hành ổn định	01 Nền tảng	280 điểm	180 điểm	100 điểm
2.8	Chủ trì xây dựng kiến trúc kỹ thuật tham chiếu cho hệ sinh thái chuyển đổi số ngành KSND	Kiến trúc kỹ thuật tham chiếu được ban hành, làm căn cứ thiết kế, tích hợp và phát	01 Bộ kiến trúc	280 điểm	180 điểm	100 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	VKSND tối cao / Cục 2	VKSND cấp tỉnh	VKSND khu vực
		triển các hệ thống dùng chung				
2.9	Chủ trì triển khai hệ thống/nền tảng số trọng điểm ngành KSND trên phạm vi toàn quốc	Hệ thống/nền tảng số được triển khai thành công, vận hành ổn định trên phạm vi toàn Ngành; hồ sơ nghiệm thu đầy đủ	01 Nền tảng toàn Ngành	370 điểm	250 điểm	150 điểm

3. Bảo đảm An toàn, An ninh mạng (ATTT/ANM), Giám sát & Ứng cứu Sự cố

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	VKSND tối cao / Cục 2	VKSND cấp tỉnh	VKSND khu vực
3.1	Xây dựng kế hoạch, quy chế nội bộ và tổ chức phổ biến/đào tạo về an toàn thông tin, an ninh mạng	Kế hoạch ATTT/ANM được phê duyệt; quy chế/hướng dẫn được ban hành; nội dung phổ biến/đào tạo được thực hiện	01 Kế hoạch / Đợt	150 điểm	100 điểm	60 điểm
3.2	Giám sát, phân tích nhật ký (Log) và xử lý cảnh báo an	Nhật ký giám sát đầy đủ; nguy cơ, cảnh báo và sự cố được phát hiện, phân	01 tháng (M3 chuẩn)	180 điểm	120 điểm	80 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	VKSND tối cao / Cục 2	VKSND cấp tỉnh	VKSND khu vực
	toàn thông tin (SOC/SIEM/ELK)	loại, xử lý hoặc chuyển cấp kịp thời				
3.3	Khắc phục sự cố, vá lỗ hổng/điểm yếu ATTT và điều phối ứng cứu	Sự cố/lỗ hổng được xử lý; biên bản, nhật ký và báo cáo ứng cứu đầy đủ; hệ thống được xác nhận an toàn sau xử lý	01 Sự cố / Đợt xử lý	200 điểm	140 điểm	90 điểm
3.4	Rà soát, đánh giá lỗ hổng bảo mật (Pentest), kiểm thử ATTT và theo dõi khắc phục	Báo cáo kiểm thử/đánh giá ATTT; danh sách lỗ hổng và kết quả khắc phục được xác nhận, nghiệm thu	01 Đợt đánh giá	200 điểm	140 điểm	90 điểm
3.5	Lập, rà soát và hoàn thiện hồ sơ xác định cấp độ an toàn thông tin cho hệ thống thông tin	Hồ sơ đề xuất cấp độ ATTT được thẩm định/phê duyệt; tài liệu và phương án bảo đảm ATTT đầy đủ	01 Hệ thống thông tin	180 điểm	120 điểm	80 điểm
3.6	Nghiên cứu, triển khai giải pháp ATTT mới (IDS/IPS, WAF, SIEM, giám sát Log) và đánh giá hiệu quả	Giải pháp được triển khai, cấu hình, vận hành ổn định; báo cáo đánh giá/POC và tài liệu kỹ thuật đầy đủ	01 Giải pháp / Đợt	300 điểm	200 điểm	100 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	VKSND tối cao / Cục 2	VKSND cấp tỉnh	VKSND khu vực
3.7	Xây dựng phương án ứng cứu sự cố và tổ chức diễn tập an ninh mạng cấp đơn vị/cấp ngành	Kế hoạch, kịch bản, biên bản và báo cáo tổng kết diễn tập được phê duyệt; kiến nghị khắc phục được theo dõi	01 Kỳ diễn tập	300 điểm	200 điểm	100 điểm
3.8	Chủ trì tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố an ninh mạng quy mô toàn ngành KSND	Diễn tập toàn Ngành hoàn thành; kịch bản, điều phối liên đơn vị và báo cáo đánh giá năng lực ứng cứu được phê duyệt	01 Kỳ diễn tập toàn Ngành	400 điểm	250 điểm	150 điểm

4. Công tác Cơ yếu, Bảo mật Thông tin & Chữ ký số Chuyên dùng công vụ

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	VKSND tối cao / Cục 2	VKSND cấp tỉnh	VKSND khu vực
4.1	Gửi/nhận Fax mật và quản lý nhật ký giao dịch mật	Fax mật được chuyển nhận đúng quy trình, đúng thời hạn; nhật ký giao dịch đầy đủ, bảo đảm bí mật	01 tháng (M3 chuẩn)	140 điểm	110 điểm	80 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	VKSND tối cao / Cục 2	VKSND cấp tỉnh	VKSND khu vực
4.2	Vận hành nghiệp vụ thiết bị cơ yếu chuyên dụng (DC-02, USB Token, chữ ký số chuyên dùng)	Thiết bị/sản phẩm mật mã được vận hành đúng quy trình; nhật ký, sổ theo dõi đầy đủ; sự cố được xử lý kịp thời	01 tháng (M3 chuẩn)	150 điểm	120 điểm	90 điểm
4.3	Quản lý, kiểm kê, bảo quản tài sản và thiết bị cơ yếu chuyên dụng	Sổ tài sản cơ yếu cập nhật; thiết bị được kiểm kê, bảo quản, cấp phát/thu hồi đúng quy định	01 tháng (M3 chuẩn)	160 điểm	120 điểm	80 điểm
4.4	Tham mưu, góp ý văn bản và xây dựng báo cáo định kỳ/chuyên đề về công tác cơ yếu	Văn bản tham mưu/góp ý hoặc báo cáo cơ yếu hoàn chỉnh, đúng căn cứ và được cấp có thẩm quyền duyệt	01 Văn bản / Báo cáo	150 điểm	100 điểm	60 điểm
4.5	Mã hóa, giải mã và vận hành hệ thống truyền nhận điện mật	Điện mật được mã hóa/giải mã, truyền nhận đúng quy trình; nhật ký ghi đầy đủ, bảo đảm bí mật, chính xác, kịp thời	01 tháng (M3 chuẩn)	180 điểm	140 điểm	100 điểm
4.6	Lắp đặt, cấu hình thiết bị cơ yếu và xây dựng tài liệu/quy trình kỹ thuật (SOP)	Thiết bị được lắp đặt, cấu hình đúng thông số; SOP/tài liệu kỹ thuật được nghiệm thu, ban hành	01 Đợt / Bộ thiết bị	180 điểm	140 điểm	100 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	VKSND tối cao / Cục 2	VKSND cấp tỉnh	VKSND khu vực
4.7	Xử lý nghiệp vụ khóa mã đột xuất và khắc phục sự cố thiết bị cơ yếu	Khóa mã được cấp/thu hồi/điều chỉnh đúng quy trình; sự cố thiết bị được khắc phục, có biên bản và căn cứ xác nhận	01 Vụ việc / Sự cố	180 điểm	140 điểm	100 điểm
4.8	Rà soát, tổng hợp và xử lý hồ sơ cấp mới, gia hạn, thu hồi chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ	Hồ sơ chứng thư số được rà soát, tổng hợp, xử lý đúng quy định; danh sách cập nhật đầy đủ; văn bản đề nghị đúng thẩm quyền	01 tháng (M3 chuẩn)	130 điểm	100 điểm	70 điểm
4.9	Triển khai giải pháp/thiết bị cơ yếu quy mô cụm, liên đơn vị hoặc nâng cấp mạng liên lạc mật	Hệ thống/thiết bị cơ yếu được triển khai, cấu hình và vận hành; hồ sơ kỹ thuật, biên bản nghiệm thu đầy đủ	01 Dự án / Đợt triển khai	300 điểm	200 điểm	100 điểm
4.10	Tổ chức rà soát, cấp phát, điều chuyển, thu hồi thiết bị mật mã và chứng thư số chuyên dùng công vụ theo đợt diện rộng	Danh sách rà soát; hồ sơ, biên bản cấp phát/điều chuyển/thu hồi đầy đủ; cơ sở dữ liệu tài sản và chứng thư số được cập nhật, đối soát chính xác	01 Đợt	200 điểm	150 điểm	100 điểm
4.11	Kiểm tra nghiệp vụ cơ yếu, quản lý thiết bị mật mã, chữ ký số và việc	Kế hoạch/đề cương kiểm tra; biên bản; báo cáo hoặc kết luận kiểm tra; kiến nghị và kết	01 Cuộc kiểm tra	300 điểm	220 điểm	150 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	VKSND tối cao / Cục 2	VKSND cấp tỉnh	VKSND khu vực
	chấp hành quy định cơ yếu tại đơn vị	quả theo dõi khắc phục được xác nhận				
4.12	Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cơ yếu, chữ ký số chuyên dùng công vụ và sử dụng thiết bị mật mã	Chương trình, tài liệu hướng dẫn; lớp tập huấn hoàn thành; danh sách tham dự và báo cáo kết quả/đánh giá sau tập huấn đầy đủ	01 Khóa / Lớp	180 điểm	140 điểm	100 điểm
4.13	Chủ trì xây dựng, nâng cấp kiến trúc, hạ tầng nghiệp vụ cơ yếu và mạng liên lạc mật quy mô toàn Ngành	Đề án/phương án, thiết kế kỹ thuật được phê duyệt; hạ tầng/hệ thống triển khai, nghiệm thu và đưa vào vận hành; hồ sơ kỹ thuật, quy trình quản lý đầy đủ	01 Đề án / Dự án	400 điểm	280 điểm	160 điểm

5. Quản trị Dữ liệu Tư pháp, Thống kê, Chia sẻ dữ liệu & Cổng Thông tin Điện tử

STT	Nhiệm vụ công tác	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	VKSND tối cao / Cục 2	VKSND cấp tỉnh	VKSND khu vực
5.1	Chủ trì xây dựng Khung quản trị dữ liệu tư pháp	Khung/Quy chế quản trị dữ liệu được ban hành; mô hình	01 Khung / Quy chế	280 điểm	180 điểm	100 điểm

STT	Nhiệm vụ công tác	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	VKSND tối cao / Cục 2	VKSND cấp tỉnh	VKSND khu vực
	và cơ chế quản lý, chia sẻ dữ liệu	quản lý, chia sẻ và khai thác dữ liệu được triển khai				
5.2	Xây dựng, thiết kế lại cơ sở dữ liệu và chuẩn hóa, tích hợp dữ liệu chuyên ngành	CSDL được thiết kế/nâng cấp; dữ liệu được chuẩn hóa; quy chế quản lý, chia sẻ hoặc tài liệu tích hợp được ban hành	01 CSDL / Dự án	300 điểm	200 điểm	100 điểm
5.3	Quản trị vận hành Cổng thông tin điện tử/Trang thành phần và xuất bản dữ liệu mở	Cổng/Trang tin hoạt động ổn định; nội dung, dữ liệu mở được cập nhật đúng hạn; sự cố được xử lý kịp thời	01 tháng (M3 chuẩn)	120 điểm	80 điểm	50 điểm
5.4	Xây dựng bộ dữ liệu mở, phân tích lưu lượng và cải tiến Cổng thông tin điện tử	Bộ dữ liệu mở được công bố đúng chuẩn; báo cáo phân tích lưu lượng và phương án cải tiến được duyệt	01 Bộ dữ liệu / Đợt	180 điểm	120 điểm	80 điểm
5.5	Xây dựng, thiết kế lại Cổng thông tin điện tử và hệ thống dữ liệu mở ngành KSND	Cổng thông tin/hệ thống dữ liệu mở mới vận hành ổn định; quy chế quản lý và hồ sơ nghiệm thu đầy đủ	01 Hệ thống / Dự án	280 điểm	180 điểm	100 điểm
5.6	Tổng hợp, kiểm tra, đối chiếu và xây dựng báo cáo thống kê tư pháp,	Báo cáo thống kê kèm biểu số liệu được kiểm tra, đối chiếu, xác nhận và gửi đúng hạn	01 Báo cáo	150 điểm	100 điểm	60 điểm

STT	Nhiệm vụ công tác	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	VKSND tối cao / Cục 2	VKSND cấp tỉnh	VKSND khu vực
	thống kê liên ngành định kỳ tuần/tháng					
5.7	Tổng hợp, kiểm tra, đối chiếu và xây dựng báo cáo thống kê tư pháp, thống kê liên ngành định kỳ quý/năm	Báo cáo thống kê quý/năm kèm biểu số liệu, thuyết minh và đối chiếu được phê duyệt, gửi đúng hạn	01 Báo cáo	250 điểm	160 điểm	100 điểm
5.8	Xây dựng báo cáo phân tích chuyên sâu dữ liệu án, thống kê tội phạm và đề xuất khuyến nghị chính sách	Báo cáo phân tích có số liệu, biểu đồ/đồ thị, nhận định xu hướng và kiến nghị cụ thể được lãnh đạo phê duyệt	01 Báo cáo phân tích	280 điểm	180 điểm	100 điểm
5.9	Chủ trì xây dựng và vận hành cơ chế chia sẻ dữ liệu tố tụng liên ngành tư pháp qua API	Cơ chế/hệ thống chia sẻ dữ liệu liên ngành vận hành ổn định; API được tích hợp; quy trình và đề xuất hoàn thiện pháp lý được phê duyệt	01 Hệ thống / Cơ chế	370 điểm	250 điểm	150 điểm

6. Xây dựng Chiến lược, Kiến trúc Số, Quy chế, Tiêu chuẩn & Định mức kỹ thuật

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	VKSND tối cao / Cục 2	VKSND cấp tỉnh	VKSND khu vực
6.1	Xây dựng văn bản hướng dẫn kỹ thuật/nghiệp vụ về CNTT, CDS, ATTT/ANM, dữ liệu và cơ yếu	Văn bản/tài liệu hướng dẫn được ban hành, phổ biến và áp dụng trong phạm vi được giao	01 Văn bản / Bộ hướng dẫn	180 điểm	120 điểm	80 điểm
6.2	Xây dựng tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật về CNTT/CDS/ANM	Bộ tiêu chuẩn/định mức/quy chuẩn được thẩm định, phê duyệt và ban hành áp dụng	01 Bộ tiêu chuẩn / Định mức	300 điểm	200 điểm	100 điểm
6.3	Xây dựng Kế hoạch CDS/ANM/Cơ yếu toàn Ngành và Chương trình hành động triển khai chiến lược	Kế hoạch/Chương trình được phê duyệt; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ và trách nhiệm thực hiện	01 Kế hoạch / Chương trình	300 điểm	200 điểm	100 điểm
6.4	Chủ trì xây dựng Quy chế/Quy định về CNTT, CDS, dữ liệu, ATTT/ANM hoặc cơ yếu áp dụng toàn Ngành	Quy chế/Quy định được cấp có thẩm quyền ký ban hành, áp dụng thống nhất toàn Ngành	01 Quy chế / Quy định	380 điểm	250 điểm	150 điểm
6.5	Chủ trì xây dựng Kiến trúc tổng thể hệ thống thông tin	Hồ sơ Kiến trúc số/Chiến lược được Viện trưởng VKSNDTC phê duyệt; có	01 Đề án / Chiến lược	400 điểm	280 điểm	160 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	VKSND tối cao / Cục 2	VKSND cấp tỉnh	VKSND khu vực
	và Chiến lược Chuyển đổi số giai đoạn 5 năm	lộ trình, danh mục nhiệm vụ và kiến trúc đích				
6.6	Chủ trì xây dựng Khung năng lực số và Bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số ngành KSND	Khung năng lực/Bộ tiêu chí được phê duyệt, ban hành và sử dụng trong đánh giá định kỳ	01 Bộ khung / Tiêu chí	400 điểm	250 điểm	150 điểm
6.7	Chủ trì xây dựng Đề án/Chương trình đào tạo kỹ năng CDS, ANM, cơ yếu cho công chức trong Ngành	Đề án/Chương trình đào tạo được phê duyệt; xác định rõ đối tượng, nội dung, lộ trình và phương thức tổ chức	01 Đề án / Chương trình	280 điểm	180 điểm	100 điểm

7. Đánh giá Mức độ CDS (DTI), Đào tạo Kỹ năng Số, Hỗ trợ & Kiểm tra chuyên ngành

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	VKSND tối cao / Cục 2	VKSND cấp tỉnh	VKSND khu vực
7.1	Thu thập dữ liệu, hướng dẫn đơn vị tự đánh giá và chuẩn hóa số liệu phục vụ đánh giá chỉ số CDS/ANM	Bộ dữ liệu đánh giá đầy đủ, được kiểm tra; đơn vị hoàn thành biểu mẫu đúng yêu cầu và thời hạn	01 Kỳ đánh giá	180 điểm	120 điểm	80 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	VKSND tối cao / Cục 2	VKSND cấp tỉnh	VKSND khu vực
7.2	Chủ trì xây dựng, cập nhật, khảo sát và công bố Bộ chỉ số Chuyên đổi số ngành KSND (DTI-KSND)	Bộ chỉ số và Bảng xếp hạng DTI-KSND được phê duyệt/công bố; báo cáo phân tích có khuyến nghị cải thiện cho các đơn vị	01 Kỳ đánh giá năm	370 điểm	250 điểm	150 điểm
7.3	Tổ chức tập huấn cho 01 đơn vị/địa phương và xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm, CDS/ATTT/Cơ yếu	Lớp tập huấn hoàn thành; tài liệu hướng dẫn được phổ biến; đơn vị có khả năng triển khai sau tập huấn	01 Khóa / Lớp	180 điểm	120 điểm	80 điểm
7.4	Tổ chức lớp tập huấn quy mô vùng/toàn Ngành và xây dựng mới chương trình, tài liệu tập huấn chuyên ngành	Lớp tập huấn hoàn thành; chương trình/bộ tài liệu mới được nghiệm thu, áp dụng; báo cáo kết quả đầy đủ	01 Khóa / Lớp	300 điểm	200 điểm	100 điểm
7.5	Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo CDS/ANM/Thông kê cho lãnh đạo, công chức các cấp	Chương trình đào tạo được ban hành; nội dung, học liệu, phương thức đánh giá và kế hoạch triển khai được phê duyệt	01 Chương trình	280 điểm	180 điểm	100 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	VKSND tối cao / Cục 2	VKSND cấp tỉnh	VKSND khu vực
7.6	Chủ trì hỗ trợ kỹ thuật CDS/ANM cho đơn vị khó khăn và vận hành Dashboard theo dõi chuyển đổi số	Báo cáo hỗ trợ kỹ thuật; vấn đề trọng yếu được xử lý; Dashboard vận hành ổn định, dữ liệu được cập nhật, khai thác	01 Đợt / Chuyên đề	300 điểm	200 điểm	100 điểm
7.7	Tham gia đoàn kiểm tra chuyên ngành về CNTT/CDS/ANM/Cơ yếu, chuẩn bị hồ sơ và tổng hợp kết quả	Hồ sơ, biên bản kiểm tra và phần nội dung/báo cáo được phân công hoàn thành đúng yêu cầu	01 Cuộc kiểm tra	180 điểm	120 điểm	80 điểm
7.8	Chủ trì kiểm tra chuyên đề hoặc kiểm tra liên ngành về CNTT/CDS/ANM/Cơ yếu	Kế hoạch, hồ sơ, biên bản, báo cáo/kết luận kiểm tra được ban hành; việc khắc phục được theo dõi	01 Cuộc kiểm tra	300 điểm	200 điểm	100 điểm
7.9	Chủ trì xây dựng Chương trình kiểm tra, giám sát CDS/ANM toàn Ngành và Bộ tiêu chí kiểm tra chuẩn hóa	Chương trình/Bộ tiêu chí được phê duyệt, ban hành và áp dụng thống nhất trong toàn Ngành	01 Chương trình / Bộ tiêu chí	360 điểm	240 điểm	120 điểm

XVI. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, QUẢN LÝ TÀI SẢN

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Cục 3 VKSTC	VKS Cấp Tỉnh, Các đơn vị tự chủ kinh phí	VKS khu vực
1	KẾ TOÁN NỘI BỘ, THU CHI, GIAO DỊCH KHO BẠC & BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƠN VỊ					
1.1	Theo dõi, hạch toán, quản lý sử dụng dự toán kinh phí; giao dịch & đối chiếu số liệu với Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng	Sổ kế toán, chứng từ giao dịch & Bảng đối chiếu KBNN/Ngân hàng được xác nhận	01 tháng	40 điểm	25 điểm	15 điểm
1.2	Lập Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán ngân sách và Báo cáo quản trị nội bộ định kỳ/đợt xuất của đơn vị	Bộ Báo cáo tài chính & Báo cáo quyết toán được duyệt, nộp đúng hạn	01 Bộ báo cáo	80 điểm	50 điểm	25 điểm
1.3	Thực hiện thủ tục thanh quyết toán các gói thầu, hợp đồng mua sắm, sửa chữa và chi phí hoạt động chuyên môn	Bộ hồ sơ thanh quyết toán đầy đủ pháp lý được nghiệm thu, giải ngân thành công	01 Bộ hồ sơ	50 điểm	30 điểm	15 điểm
1.4	Quản lý tài chính, kế toán và thu chi Đảng phí nội bộ	Sổ theo dõi, Phiếu thu/chi và Báo cáo	01 tháng	30 điểm	20 điểm	10 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Cục 3 VKSTC	VKS Cấp Tỉnh, Các đơn vị tự chủ kinh phí	VKS khu vực
		tài chính Đảng phí được phê duyệt				
2	QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG					
2.1	Xây dựng tiêu chuẩn, định mức; quy chế; quy định phân cấp thẩm quyền trong quản lý, sử dụng tài sản công	Quyết định của cấp thẩm quyền	01 Văn bản ban hành	200 điểm	120 điểm	60 điểm
2.2	Sắp xếp, xử lý tài sản công (thanh lý, điều chuyển, chuyển giao, tiếp nhận, thu hồi,...)	Quyết định của cấp thẩm quyền	01 Văn bản ban hành	100 điểm	60 điểm	30 điểm
2.3	Kiểm kê, tổng hợp và lập Báo cáo quản lý, sử dụng tài sản công	Biên bản, Báo cáo, Phụ lục	01 biên bản/01 Báo cáo	120 điểm	70 điểm	40 điểm
2.4	Xây dựng Đề án Đầu tư trang thiết bị phương tiện làm việc	Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt	01 Văn bản ban hành	300 điểm	180 điểm	90 điểm
3	LẬP DỰ TOÁN, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ & ĐIỀU CHỈNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (NSNN)					

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Cục 3 VKSTC	VKS Cấp Tỉnh, Các đơn vị tự chủ kinh phí	VKS khu vực
3.1	Lập dự toán Ngân sách Nhà nước hằng năm toàn Ngành trình Bộ Tài chính và cơ quan có thẩm quyền	Bộ Hồ sơ dự toán NSNN toàn Ngành được gửi cơ quan thẩm quyền đúng thời hạn	01 Bộ hồ sơ dự toán	500 điểm	250 điểm	100 điểm
3.2	Xây dựng định mức phân bổ và ban hành Quyết định giao dự toán NSNN toàn Ngành các nguồn vốn	Quyết định giao dự toán kèm Phụ lục phân bổ chi tiết từng đơn vị được ban hành	01 Đợt giao dự toán	500 điểm	250 điểm	100 điểm
3.3	Thẩm định, xây dựng phương án và ban hành Quyết định điều chỉnh, bổ sung dự toán NSNN	Quyết định điều chỉnh dự toán kèm Phụ lục chi tiết từng đơn vị được ban hành	01 Đợt điều chỉnh	300 điểm	200 điểm	100 điểm
3.4	Thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương kinh phí/mua sắm và phương án dự toán trọng điểm	Báo cáo thẩm định kinh phí / đề xuất mua sắm được phê duyệt	01 Báo cáo thẩm định	300 điểm	200 điểm	
4	XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH, BÁO CÁO TÀI CHÍNH NGÀNH & CÔNG KHAI TÀI CHÍNH					

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Cục 3 VKSTC	VKS Cấp Tỉnh, Các đơn vị tự chủ kinh phí	VKS khu vực
4.1	Tổ chức kiểm tra, xét duyệt và tổng hợp thông báo quyết toán NSNN năm cho các đơn vị dự toán trực thuộc	Thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm gửi cho đơn vị dự toán	01 Đơn vị dự toán	60 điểm	40 điểm	
4.2	Tổng hợp, kiểm tra, đối chiếu và lập Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán NSNN	Bộ Báo cáo tài chính & Quyết toán NSNN toàn Ngành nộp Bộ Tài chính, KTNN	01 Bộ báo cáo toàn Ngành	250 điểm	150 điểm	75 điểm
4.3	Đối chiếu, thống nhất số liệu quyết toán NSNN với Bộ Tài chính và ban hành Thông báo rút kinh nghiệm	Biên bản đối chiếu số liệu quyết toán với Bộ Tài chính & Công văn rút kinh nghiệm	01 Hồ sơ đối chiếu	120 điểm	70 điểm	
4.4	Thực hiện công bố công khai quyết toán ngân sách và lập Báo cáo tình hình thực hiện công khai NSNN	Quyết định công khai quyết toán & Báo cáo tình hình công khai NSNN được ban hành	01 Đợt công khai	50 điểm	30 điểm	15 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Cục 3 VKSTC	VKS Cấp Tỉnh, Các đơn vị tự chủ kinh phí	VKS khu vực
4.5	Lập Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập toàn Ngành	Báo cáo tổng hợp đánh giá cơ chế tự chủ tài chính toàn Ngành được phê duyệt	01 Báo cáo năm	100 điểm	60 điểm	30 điểm
5	PHỤC VỤ KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC, THANH TRA TÀI CHÍNH & ĐƠN ĐỐC KIẾN NGHỊ					
5.1	Tổng hợp số liệu, xây dựng Báo cáo và cung cấp hồ sơ tài liệu phục vụ các Đoàn Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra tài chính	Bộ Báo cáo & Hồ sơ tài liệu làm việc với Đoàn Kiểm toán/Thanh tra hoàn thành	01 Đợt kiểm toán/thanh tra	150 điểm	90 điểm	45 điểm
5.2	Tham gia ý kiến dự thảo Báo cáo kiểm toán và xây dựng Biên bản họp rút kinh nghiệm thực hiện kiến nghị KTNN	Văn bản tham gia ý kiến & Biên bản họp rút kinh nghiệm được ký ban hành	01 Hồ sơ kết luận	80 điểm	50 điểm	25 điểm
5.3	Ban hành Kế hoạch, công văn triển khai và đơn đốc các đơn vị thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước	Kế hoạch & Văn bản chỉ đạo, đơn đốc thực hiện kiến	01 Đợt đơn đốc	60 điểm	40 điểm	20 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Cục 3 VKSTC	VKS Cấp Tỉnh, Các đơn vị tự chủ kinh phí	VKS khu vực
		nghị KTNN được phát hành				
5.4	Tổng hợp kết quả, xây dựng Báo cáo thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước toàn Ngành gửi KTNN	Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện kiến nghị KTNN toàn Ngành gửi KTNN đúng hạn	01 Báo cáo tổng hợp	120 điểm	70 điểm	40 điểm
6	QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CÔNG					
6.1	Xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm	Quyết định cấp thẩm quyền	01 văn bản	300 điểm	180 điểm	90 điểm
6.2	Lập; thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và trình phê duyệt Quyết định chủ trương đầu tư	Báo cáo thẩm định & Quyết định phê duyệt chủ trương	01 Văn bản	200 điểm	120 điểm	60 điểm
6.3	Lập; thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư và trình phê duyệt Quyết định chủ trương đầu tư điều chỉnh	Báo cáo thẩm định & Quyết định phê duyệt chủ trương điều chỉnh	01 Văn bản	100 điểm	60 điểm	30 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Cục 3 VKSTC	VKS Cấp Tỉnh, Các đơn vị tự chủ kinh phí	VKS khu vực
6.4	Xây dựng phương án phân bổ, Quyết định giao/điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn	Quyết định cấp thẩm quyền	01 Văn bản	100 điểm	60 điểm	30 điểm
6.5	Nhập thông tin trên Hệ thống thông tin quốc gia về Đầu tư công, Giám sát đánh giá đầu tư và Đấu thầu	Dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác trên Hệ thống quốc gia + Báo cáo tổng hợp	Trọn gói 01 kỳ/năm	150 điểm	90 điểm	75 điểm
6.6	Lập Báo cáo giám sát đánh giá đầu tư, Báo cáo công tác đấu thầu và Báo cáo quyết toán vốn đầu tư công hằng năm	Bộ Báo cáo giám sát đầu tư / Đấu thầu / Quyết toán vốn ĐTC gửi Bộ Tài chính	01 Văn bản	120 điểm	70 điểm	40 điểm

XVII. LĨNH VỰC HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Điểm KPI
1	CÔNG TÁC TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ			
1.1	Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định, xử lý và chuyển giao, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của Việt Nam gửi đi nước ngoài	- Công hàm của VKSND tối cao gửi đi cơ quan có thẩm quyền nước ngoài - Văn bản trả hồ sơ cho cơ quan lập yêu cầu để hoàn thiện - Văn bản từ chối hồ sơ cho cơ quan lập yêu cầu	01 công hàm	200 điểm
1.2	Tiếp nhận, giải quyết, thực hiện yêu cầu TTTP về hình sự do nước ngoài gửi đến Việt Nam	- Công hàm chuyển yêu cầu cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để thực hiện - Văn bản từ chối/ trả hồ sơ cho cơ quan lập yêu cầu để hoàn thiện	01 công hàm	200 điểm
1.3	Tiếp nhận, thẩm định, chuyển giao kết quả thực hiện yêu cầu TTTP về hình sự	- Văn bản chuyển kết quả thực hiện yêu cầu TTTP cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài. - Văn bản chuyển kết quả thực hiện yêu cầu TTTP cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài	01 công hàm	50 điểm
1.4	Nghiên cứu, tham mưu, góp ý đường lối giải quyết vụ việc có yếu tố nước ngoài	Báo cáo; Văn bản góp ý....	01 báo cáo/ công văn	100 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Điểm KPI
2	ĐÀM PHÁN, KÝ KẾT & THỰC THI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ, THỎA THUẬN HỢP TÁC, VĂN KIỆN DỰ ÁN			
2.1	Chủ trì hoặc phối hợp đàm phán các Hiệp định TTTP về hình sự	Dự thảo Hiệp định đàm phán thành công / Biên bản đàm phán ký kết	01 Vòng đàm phán	300 điểm
2.2	Soạn thảo, thẩm định hồ sơ trình phê chuẩn/phê duyệt, gia nhập Điều ước quốc tế và Thỏa thuận hợp tác quốc tế; Văn kiện Dự án của Ngành	Bộ Hồ sơ trình phê chuẩn/ký kết Điều ước/Thỏa thuận quốc tế	01 Bộ hồ sơ	200 điểm
2.3	Rà soát, lập Báo cáo tổng kết thực thi các Điều ước quốc tế, Hiệp định song phương/đa phương mà VKSNDTC là thành viên	Báo cáo đánh giá thực thi Điều ước/Hiệp định quốc tế định kỳ	01 văn bản	100 điểm
2.4	Rà soát, theo dõi, đánh giá việc thực thi các cơ chế hợp tác quốc tế	- Công văn, báo cáo, tờ trình về việc góp ý, cung cấp thông tin xây dựng các văn bản liên quan đến công tác thực thi điều ước, cơ chế hợp tác quốc tế - Báo cáo đánh giá, tổng kết việc thực thi điều ước, cơ chế hợp tác quốc tế - Tham gia đối thoại với Ủy ban Công ước hoặc Cơ quan có thẩm quyền về việc thực thi điều ước, cơ chế hợp tác quốc tế quốc tế	01 văn bản	100 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Điểm KPI
3	CÔNG TÁC HỢP TÁC QUỐC TẾ, ĐOÀN RA, ĐOÀN VÀO & HỘI NGHỊ QUỐC TẾ			
3.1	Tổ chức các Đoàn công tác của VKSND đi công tác, học tập, hội nghị tại nước ngoài (Đoàn ra Cấp cao)	Kế hoạch, Quyết định cử đoàn & Báo cáo kết quả công tác Đoàn ra được phê duyệt	01 Đoàn ra	300 điểm
3.2	Tổ chức các Đoàn công tác của VKSND đi công tác, học tập, hội nghị tại nước ngoài (Đoàn ra Cấp Vụ)	Kế hoạch, Quyết định cử đoàn & Báo cáo kết quả công tác Đoàn ra được phê duyệt	01 Đoàn ra	200 điểm
3.3	Chủ trì, phối hợp đón tiếp các Đoàn đại biểu cơ quan tư pháp, đối tác quốc tế đến thăm và làm việc tại Việt Nam (Đoàn vào Cấp cao)	Kế hoạch, Lịch trình & Báo cáo kết quả đón tiếp Đoàn vào thành công	01 Đoàn vào	300 điểm
3.4	Chủ trì, phối hợp đón tiếp các Đoàn đại biểu cơ quan tư pháp, đối tác quốc tế đến thăm và làm việc tại Việt Nam (Đoàn vào Cấp Vụ)	Kế hoạch, Lịch trình & Báo cáo kết quả đón tiếp Đoàn vào thành công	01 Đoàn vào	200 điểm
3.5	Chủ trì hoặc phối hợp tổ chức Hội nghị, Hội thảo, Diễn đàn quốc tế về công tác tư pháp và kiểm sát	Chương trình/Hội nghị quốc tế tổ chức thành công + Kỷ yếu/Báo cáo kết quả	01 Sự kiện/Hội nghị	300 điểm
3.6	Tham gia các cơ chế hợp tác tư pháp đa phương (Viện trưởng VKSND các nước ASEAN, IAP...)	Kế hoạch, Quyết định cử đoàn & Báo cáo kết quả tham gia các cơ chế	01 Diễn đàn/Chương trình	300 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Điểm KPI
		Báo cáo đóng góp ý kiến, bài phát biểu/tham luận quốc tế hoàn chỉnh		
3.7	Tham mưu đề xuất, điều phối, thực hiện việc sử dụng viện trợ không hoàn lại trong khuôn khổ dự án, phi dự án quốc tế	- Báo cáo, tờ trình xin chủ trương - Văn bản thông báo, hướng dẫn các đơn vị liên quan - Triển khai hoạt động hỗ trợ kỹ thuật: cung cấp trang thiết bị - Hỗ trợ in ấn, phát hành tài liệu hướng dẫn, sổ tay, cẩm nang nghiệp vụ 	01 hoạt động	300 điểm
3.8	Tham gia hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước do các cơ quan đơn vị, cơ quan ban ngành khác chủ trì	- Báo cáo kết quả tham dự Hội nghị, hội thảo...	01 hoạt động	100 điểm
3.9	Tổ chức Biên dịch tài liệu, phiên dịch trong các Hội nghị, hội thảo, cuộc họp, buổi làm việc... quốc tế của cơ quan có liên quan	Hoạt động phiên dịch; bản dịch sang tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài	01 hoạt động	200 điểm
3.10	Công tác lễ tân ngoại giao; hậu cần	- Bản dịch thư của đối tác gửi VKSND tối cao và ngược lại - Công văn, báo cáo, tờ trình đề xuất gửi thư, thiệp, quà cho đối tác nước ngoài - Công tác hậu cần	01 hoạt động	50 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Điểm KPI
4	CÔNG TÁC KHÁC			
4.1	Nghiên cứu pháp luật quốc tế	Báo cáo kết quả nghiên cứu	01 Báo cáo	100 điểm

XVIII. LĨNH VỰC CÔNG TÁC ĐẢNG, CÔNG TÁC ĐOÀN THỂ

1. Công tác Tổ chức cán bộ & Quản lý Đảng viên

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Đảng bộ VKSNDTC	Đảng bộ cơ sở	Chi bộ
1.1	Tham mưu nghị quyết đại hội	Hồ sơ dự thảo + Nghị quyết	Nghị quyết	500 điểm	250 điểm	150 điểm
1.2	Tham mưu chỉ thị, quy định, quy chế, hướng dẫn về công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ.	Chỉ thị, quy định, quy chế, hướng dẫn	01 văn bản ban hành	200 điểm	100 điểm	50 điểm
1.3	Tham mưu nghị quyết, kết luận, chương trình, kế hoạch của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy, cấp ủy về công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ.	Nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận, chương trình, kế hoạch hành động được ban hành	01 văn bản ban hành	100 điểm	60 điểm	30 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Đảng bộ VKSNDTC	Đảng bộ cơ sở	Chi bộ
1.4	Xây dựng đề án về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ đảng thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Thường vụ, Đảng ủy	Đề án, Tờ trình & Quyết định phê duyệt	01 Hồ sơ	500 điểm	300 điểm	150 điểm
1.5	Cụ thể hóa và triển khai các văn bản của cấp trên, của Đảng ủy và Ban Thường vụ về công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ.	Văn bản triển khai	01 văn bản ban hành	100 điểm	60 điểm	30 điểm
1.6	Thẩm định, thẩm tra các đề án, văn bản về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ của cấp ủy, tổ chức đảng và các đoàn thể chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị trực thuộc Đảng ủy trước khi trình Ban Thường vụ, Đảng ủy	Hồ sơ + Báo cáo/Tờ trình	01 Hồ sơ	100 điểm	60 điểm	30 điểm
1.7	Tham mưu thành lập, kiện toàn, sắp xếp tổ chức đảng	Đề án, Tờ trình & Quyết định thành lập/kiện toàn tổ chức đảng	01 Hồ sơ	300 điểm	200 điểm	100 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Đảng bộ VKSNDTC	Đảng bộ cơ sở	Chi bộ
1.8	Tham mưu kiện toàn cấp ủy, chức danh cấp ủy các cấp	Bộ Hồ sơ nhân sự + Quyết định chỉ định/chuẩn y cấp ủy	01 Đợt	300 điểm	200 điểm	100 điểm
1.9	Tham mưu công tác quy hoạch, bổ nhiệm, điều động cán bộ	Hồ sơ quy hoạch/bổ nhiệm/điều động được duyệt	01 Đợt / Hồ sơ	100 điểm	60 điểm	30 điểm
1.10	Thẩm tra, tham mưu Kết luận tiêu chuẩn chính trị phục vụ công tác cán bộ	Hồ sơ xác minh + Báo cáo/Kết luận tiêu chuẩn chính trị	01 Trường hợp	100 điểm	60 điểm	30 điểm
1.11	Thẩm định, làm thủ tục kết nạp đảng viên mới, chuyển chính thức, xóa tên trong danh sách đảng viên và cho ra khỏi Đảng	Hồ sơ đề nghị + Quyết định kết nạp, công nhận chính thức, xóa tên trong danh sách đảng viên và cho ra khỏi Đảng	01 Hồ sơ	100 điểm	60 điểm	30 điểm
1.12	Thực hiện thủ tục chuyển sinh hoạt đảng, cấp đổi thẻ đảng viên	Hồ sơ chuyển sinh hoạt / Thẻ đảng viên đã cấp phát	01 Trường hợp	50 điểm	30 điểm	10 điểm
1.13	Tham mưu kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng Tổ chức đảng & Đảng viên	Bộ Hồ sơ kiểm điểm, bảng tổng hợp xếp loại chất lượng năm	01 Kỳ đánh giá	300 điểm	200 điểm	100 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Đảng bộ VKSNDTC	Đảng bộ cơ sở	Chi bộ
1.14	Theo dõi, nâng cao chất lượng sinh hoạt Chi bộ (định kỳ & chuyên đề)	Biên bản họp, Nghị quyết chi bộ, báo cáo đánh giá chất lượng sinh hoạt	01 tháng	50 điểm	30 điểm	20 điểm
1.15	Tham mưu hướng dẫn & thẩm định nhân sự, văn kiện Đại hội Đảng các cấp	Bộ Văn kiện đại hội, Đề án nhân sự & Quyết định chuẩn y kết quả đại hội	01 Kỳ Đại hội	500 điểm	300 điểm	100 điểm

2. Công tác Kiểm tra, Giám sát & Kỷ luật Đảng

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Đảng bộ VKSNDTC	Đảng bộ cơ sở	Chi bộ
2.1	Tham mưu xây dựng Chương trình, Kế hoạch, Kiểm tra, Giám sát nhiệm kỳ, hướng dẫn và thẩm định nhân sự UBKT	Quyết định ban hành Chương trình/Kế hoạch KTGS nhiệm kỳ	01 Kỳ Đại hội	500 điểm	300 điểm	150 điểm
2.2	Tham mưu triển khai nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định của cấp trên về công tác kiểm tra giám sát	Nghị quyết/ Quy chế (bổ sung)/ chương trình/ kế hoạch	01 văn bản	100 điểm	60 điểm	30 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Đảng bộ VKSNDTC	Đảng bộ cơ sở	Chi bộ
2.3	Xây dựng Chương trình, Kế hoạch Kiểm tra, Giám sát hằng năm	Quyết định ban hành Chương trình/Kế hoạch KTGS năm	01 Chương trình	150 điểm	100 điểm	50 điểm
2.4	Thực hiện cuộc Kiểm tra/Giám sát chuyên đề đối với Tổ chức đảng & Đảng viên	Hồ sơ cuộc KTGS + Kết luận/Thông báo kết quả kiểm tra, giám sát	01 Cuộc KTGS	300 điểm	200 điểm	100 điểm
2.5	Kiểm tra Tổ chức đảng và Đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm	Hồ sơ kiểm tra + Báo cáo kết quả & Kết luận xử lý vi phạm	01 Cuộc kiểm tra	300 điểm	200 điểm	100 điểm
2.6	Thực hiện xác minh tài sản, thu nhập đối với cán bộ, đảng viên	Hồ sơ xác minh tài sản, thu nhập + Báo cáo kết quả xác minh	01 Đợt / Hồ sơ	300 điểm	200 điểm	100 điểm
2.7	Tham mưu xem xét, thi hành kỷ luật Tổ chức đảng / Đảng viên vi phạm	Hồ sơ xem xét kỷ luật + Quyết định thi hành kỷ luật Đảng	01 Vụ việc	300 điểm	200 điểm	100 điểm
2.8	Giải quyết Tố cáo, Khiếu nại kỷ luật Đảng thuộc thẩm quyền	Hồ sơ xác minh + Quyết định/Kết luận giải quyết tố cáo, khiếu nại	01 Vụ việc	300 điểm	200 điểm	100 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Đảng bộ VKSNDTC	Đảng bộ cơ sở	Chi bộ
2.9	Kiểm tra công tác Thu, nộp, quản lý & sử dụng Đảng phí	Biên bản kiểm tra + Kết luận kiểm tra tài chính đảng/đảng phí	01 Cuộc kiểm tra	200 điểm	100 điểm	
2.10	Tiếp nhận, phân loại và giải quyết đơn thư	Hồ sơ đơn + Văn bản giải quyết / Công văn trả lời đơn thư	01 Vụ việc	100 điểm	60 điểm	30 điểm
2.11	Hướng dẫn nghiệp vụ/ thẩm định nhân sự UBKT bổ sung	Văn bản Hướng dẫn/ Quyết định	01 văn bản	100 điểm	60 điểm	
2.12	Xây dựng Báo Chuyên đề công tác kiểm tra giám sát	Báo cáo	01 Báo cáo	150 điểm	100 điểm	50 điểm
2.13	Báo cáo định kỳ (Tuần / Tháng) về công tác kiểm tra, giám sát	Báo cáo	01 báo cáo	80 điểm	50 điểm	30 điểm
2.14	Báo cáo định kỳ (Quý/ 9 tháng/ 1 năm) về công tác kiểm tra, giám sát	Báo cáo	01 báo cáo	100 điểm	60 điểm	40 điểm
2.15	Chuẩn bị các Hội nghị về công tác kiểm tra, giám sát	Chuẩn bị các điều kiện đảm bảo cho Hội nghị diễn ra thành công	01 hội nghị	150 điểm	100 điểm	50 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Đảng bộ VKSNDTC	Đảng bộ cơ sở	Chi bộ
2.16	Công tác Văn thư, Lưu trữ, Bảo mật tài liệu của Ủy ban Kiểm tra & Quản lý con dấu UBKT	Sổ văn bản đi/đến, hồ sơ lưu trữ và nhật ký con dấu được quản lý an toàn	01 tháng	150 điểm	100 điểm	50 điểm

3. Công tác Tuyên giáo

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Đảng bộ VKSNDTC	Đảng bộ cơ sở	Chi bộ
3.1	Tham mưu tổ chức Học tập, quán triệt Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng	Kế hoạch tổ chức + Báo cáo kết quả đợt học tập, quán triệt	01 Đợt học tập	200 điểm	100 điểm	50 điểm
3.2	Tham mưu nghiên cứu, đề xuất dự thảo các đề án, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận trong lĩnh vực Tuyên giáo.	Hồ sơ dự thảo + Nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận,... được ban hành	01 văn bản ban hành	200 điểm	100 điểm	50 điểm
3.3	Cụ thể hóa các chủ trương của Đảng về công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan	Văn bản triển khai	01 văn bản ban hành	100 điểm	60 điểm	30 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Đảng bộ VKSDTC	Đảng bộ cơ sở	Chi bộ
	điểm sai trái, thù địch trong Đảng bộ.					
3.4	Chủ trì tham mưu với Ban Chỉ đạo 35 Đảng bộ phối hợp chỉ đạo các lực lượng tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.	Văn bản triển khai	01 văn bản ban hành	200 điểm	100 điểm	50 điểm
3.5	Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác tuyên giáo	Hồ sơ cuộc KTGS + Kết luận/Thông báo kết quả kiểm tra, giám sát	01 Cuộc KTGS	100 điểm	60 điểm	
3.6	Theo dõi, tổng hợp, phân tích tình hình tư tưởng & dư luận xã hội	Báo cáo tổng hợp tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên định kỳ	01 tháng	100 điểm	60 điểm	30 điểm
3.7	Triển khai Học tập & làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh	Kế hoạch chuyên đề năm + Báo cáo sơ/tổng kết thực hiện	01 Đợt / Năm	150 điểm	100 điểm	50 điểm
3.8	Tham mưu đấu tranh, phản bác thông tin, quan điểm sai trái, thù địch	Bài viết đấu tranh / Báo cáo phương án xử lý thông tin sai trái	01 Tác phẩm/Phương án	100 điểm	60 điểm	30 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Đảng bộ VKSNĐTC	Đảng bộ cơ sở	Chi bộ
3.9	Tham mưu thực hiện Dân chủ ở cơ sở & Công tác Dân vận trong Đảng bộ	Kế hoạch dân vận / Biên bản đối thoại / Báo cáo thực hiện dân chủ	01 Đợt / Năm	100 điểm	60 điểm	30 điểm

4. Công tác văn phòng

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Đảng bộ VKSNĐTC	Đảng bộ cơ sở	Chi bộ
4.1	Nghiên cứu, tham mưu ban hành, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc và chương trình công tác của Ban Thường vụ, Bí thư, các Phó Bí thư Đảng ủy, cấp ủy	Hồ sơ dự thảo + Quy chế và Chương trình được ban hành	01 Văn bản ban hành	200 điểm	100 điểm	50 điểm
4.2	Nghiên cứu, tham mưu ban hành Nghị quyết, Chỉ thị, Kế hoạch, Chương trình hành động	Hồ sơ dự thảo + Nghị quyết/Chương trình hành động được ban hành	01 Văn bản ban hành	200 điểm	150 điểm	100 điểm
4.3	Tổng hợp tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế của cấp ủy cấp trên và của Đảng ủy; hoạt động của các cấp ủy, tổ	Báo cáo Ban Thường vụ	01 Văn bản ban hành	100 điểm	60 điểm	30 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Đảng bộ VKSNDTC	Đảng bộ cơ sở	Chi bộ
	chức đảng, cơ quan đảng và các đoàn thể chính trị - xã hội					
4.4	Xây dựng Báo cáo Sơ kết, Tổng kết công tác Đảng (6 tháng, 1 năm, Chuyên đề)	Báo cáo sơ kết/tổng kết/ chuyên đề công tác đảng hoàn chỉnh kèm phụ lục	01 Báo cáo	300 điểm	200 điểm	150 điểm
4.5	Báo cáo định kỳ (Tuần / Tháng)	Báo cáo	01 Báo cáo	80 điểm	50 điểm	30 điểm
4.6	Báo cáo phục vụ họp thường kỳ Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ, Chi bộ	Báo cáo	01 Báo cáo	100 điểm	60 điểm	30 điểm
4.7	Chủ trì, phối hợp tham mưu, giúp Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư pháp, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	Văn bản lãnh đạo, chỉ đạo	01 Văn bản	200 điểm	100 điểm	50 điểm
4.8	Tiếp nhận và xử lý đơn, thư; tham mưu, theo dõi, đôn đốc việc giải quyết một số đơn, thư được Thường trực Đảng ủy giao; phối hợp với các cơ quan	Quyết định giải quyết/Văn bản trả lời đơn thư công dân	01 Hồ sơ đơn	200 điểm	100 điểm	50 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Đảng bộ VKSNDTC	Đảng bộ cơ sở	Chỉ bộ
	chức năng tổ chức tiếp công dân theo quy định					
4.9	Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác văn phòng, tài chính, nghiệp vụ văn thư, lưu trữ, thu nộp đảng phí,...	Hồ sơ cuộc KTGS + Kết luận/Thông báo kết quả kiểm tra, giám sát	01 Cuộc KTGS	100 điểm	60 điểm	
4.10	Thẩm định, thẩm tra Đề án, văn bản của các cơ quan, tổ chức trước khi trình Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy	Hồ sơ thẩm định/Văn bản ban hành	01 Bộ hồ sơ	150 điểm	100 điểm	
4.11	Lập dự toán & Quyết toán kinh phí hoạt động công tác Đảng	Hồ sơ dự toán / Báo cáo quyết toán tài chính đảng được phê duyệt	01 Bộ hồ sơ	100 điểm	60 điểm	30 điểm
4.12	Quản lý, thu nộp & trích nộp Đảng phí theo đúng quy định	Sổ sách theo dõi, phiếu thu/chi & Bảng tổng hợp trích nộp đảng phí/ Báo cáo công tác tài chính	01 tháng	100 điểm	60 điểm	30 điểm
4.13	Tham mưu triển khai Chuyển đổi số & Ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử	Kế hoạch CDS/Dữ liệu đảng viên được cập nhật 100% trên hệ thống số	01 tháng	100 điểm	60 điểm	30 điểm

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị tính	Đảng bộ VKSNDTC	Đảng bộ cơ sở	Chi bộ
4.14	Công tác Văn thư, Lưu trữ, Bảo mật tài liệu Đảng & Quản lý con dấu	Sổ văn bản đi/đến, hồ sơ lưu trữ và nhật ký con dấu được quản lý an toàn	01 tháng	300 điểm	100 điểm	50 điểm
4.15	Tiếp nhận, phát hành và quản lý các tài liệu, văn bản đến và đi	Phiếu trình xử lý văn bản/ phát hành văn bản	01 Văn bản	10 điểm	5 điểm	3 điểm

5. Công tác đoàn thể

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm Đầu ra	Đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở / Hội tại VKSND tối cao, VKSND cấp tỉnh	Cấp đoàn cơ sở / Chi hội	Cấp chi đoàn / Tổ
1	Cán bộ đoàn, cán bộ hội thực hiện công tác của Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ...	Hoàn thành các nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch công tác của tổ chức Đoàn, hội trong năm	600 điểm/năm	400 điểm/năm	200 điểm/năm

XIX. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT SINH ĐỘT XUẤT, NHIỆM VỤ KHÁC

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Mức 1 (Đơn giản)	Mức 2 (Ít phức tạp)	Mức 3 (Phức tạp)	Mức 4 (Rất phức tạp)	Mức 5 (Đặc biệt phức tạp)
1	Thực hiện nhiệm vụ đột xuất, nhiệm vụ khác do lãnh đạo, cấp trên phân công	Hoàn thành nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu của lãnh đạo, cấp trên	10-100 điểm	100-200 điểm	200-300 điểm	300-400 điểm	400-500 điểm

** Ghi chú: Trong quá trình thực hiện Bảng danh mục, có phát sinh vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung danh mục công việc, các đơn vị gửi đề xuất về Vụ Tổ chức cán bộ để tổng hợp, báo cáo Viện trưởng VKSND tối cao xem xét, quyết định điều chỉnh./*